

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH)
MÃ NGÀNH: 7340205**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023

**BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Số: 50/NQ-ĐHTCM-HĐT

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-BTC ngày 25/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính - Marketing nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Tờ trình số 2129/Ttr-ĐHTCM ngày 13/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng trường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, cụ thể như sau:

1. Ngành Công nghệ tài chính, trình độ đại học, mã ngành: 7340205
2. Ngành Kế toán, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8340301
3. Ngành Marketing, trình độ thạc sĩ, theo cơ chế đào tạo thi điểm

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Trường các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Như điều 3;
- Các thành viên HĐT;
- Lưu: VT, TK.HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TÀI CHỦ TỊCH



PGS. TS. Hồ Thủy Tiên

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 726/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc mở ngành đào tạo trình độ Đại học
Ngành Công nghệ tài chính - Mã ngành: 7340205**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 Quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Tài chính – Marketing phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

Căn cứ Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học Ngành Công nghệ tài chính, mã ngành: 7340205;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành đào tạo trình độ Đại học ngành Công nghệ tài chính - Mã số: 7340205, tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành trên nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của Trường.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- TC-NH; QLĐT;
- Lưu: VT, P.QLKH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Tiến Đạt

Mục lục

PHẦN 1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING	1
1.1 Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính – Marketing.....	1
1.1.1 Quá trình xây dựng và phát triển.....	1
1.1.2 Các ngành, trình độ đang đào tạo.....	3
1.1.3 Thống kê số khóa và sinh viên tốt nghiệp.....	5
1.1.4 Đội ngũ nhân sự	6
1.2 Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng	8
1.2.1 Quá trình xây dựng và phát triển.....	8
1.2.2 Cơ cấu tổ chức của Khoa	10
1.2.3 Hoạt động giảng dạy của Khoa	11
1.2.4 Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa	13
PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	23
2.1 Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.....	23
2.1.1 Nhu cầu của nhà nước, xã hội về nguồn nhân lực được đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.....	23
2.1.2 So sánh chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học.....	32
2.2 Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ đại học Công nghệ tài chính.....	34
2.2.1 Xuất phát từ bối cảnh thực tiễn.....	34
2.2.2 Xuất phát từ nhu cầu đào tạo của ngành	35
2.2.3 Xuất phát từ năng lực của Trường và Khoa.....	36
PHẦN 3: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	38
3.1. Chương trình đào tạo.....	38
3.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đảm bảo mở ngành	38
3.2.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	38
3.3.2 Đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.....	51
3.3. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện	51

3.4. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	51
3.4.1. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu	51
3.4.2. Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa	53
3.5. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo	54
3.6. Trang thông tin điện tử của Trường đăng tải thông tin công khai theo quy định	68
3.7. Các điều kiện tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến, đảm bảo chất lượng theo quy định	68
3.8. Nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.....	68
3.8.1. Tình hình hoạt động nghiên cứu khoa học Khoa Tài chính – Ngân hàng	68
3.8.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	75
3.8.3. Hợp tác doanh nghiệp	75
3.9. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo	75
3.9.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý.....	76
3.9.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo.....	80
3.9.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo.....	80
3.9.4. Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng học viên tốt nghiệp.....	81
3.10. Tuyển sinh.....	82
3.11. Phương án, giải pháp ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính.....	82

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2022	4
Bảng 1.2: Bảng thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp.....	5
Bảng 1.3: Thành tích của Khoa Tài chính – Ngân hàng những năm qua	9
Bảng 1.4: Cơ cấu nhân sự Khoa Tài chính - Ngân hàng giai đoạn 2017-2021 theo học hàm, học vị	10
Bảng 1.5: Quy mô đào tạo bậc đại học phân theo lớp	11
Bảng 1.6: Quy mô đào tạo bậc đại học phân theo số lượng sinh viên	12
Bảng 1.7: Quy mô đào tạo bậc sau đại học	12
Bảng 1.8: Số lượng các đề tài/ dự án khoa học của CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng làm chủ trì thực hiện	13
Bảng 1.9: Số lượng bài báo, công trình khoa học của cán bộ giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng đã công bố	14
Bảng 1.10: Số lượng bài tham luận hội nghị, hội thảo khoa học của CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng	14
Bảng 1.11: Số lượng giáo trình của CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng.....	18
Bảng 1.12: Giáo trình đã được nghiệm thu năm 2022	19
Bảng 1.13: Số lượng đề tài sinh viên NCKH của sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng	20
Bảng 1.14: Số lượng đề tài sinh viên NCKH của sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng	21
Bảng 1.15: Số lượng đề tài sinh viên NCKH đạt kết quả cao của sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng	22
Bảng 2.1: Đối tượng tham gia khảo sát.....	24
Bảng 2.2: Thông tin của đơn vị sử dụng lao động	25
Bảng 2.3: Quy mô lao động của đơn vị sử dụng lao động.....	25
Bảng 2.4: Nhu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính của đơn vị sử dụng lao động.....	26
Bảng 2.5: Tỷ lệ tuyển dụng trung bình hàng năm đối với nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính so với tổng chỉ tiêu tuyển dụng.....	27

Bảng 2.6: Đánh giá về chất lượng nguồn nhân lực ngành Công nghệ tài chính.....	27
Bảng 2.7: Việc sẵn sàng tuyển dụng sinh viên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.....	28
Bảng 2.8: Thông tin về người học tiềm năng.....	28
Bảng 2.9: Nhu cầu chuyển qua học trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính	29
Bảng 2.10: Lý do muốn chuyển qua học ngành Công nghệ tài chính	29
Bảng 2.11: Lý do không muốn chuyển qua học ngành Công nghệ tài chính	29
Bảng 2.12: Thông tin của cựu sinh viên	30
Bảng 2.13: Nhu cầu đăng ký học trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.....	30
Bảng 2.14: Lý do học ngành Công nghệ tài chính.....	31
Bảng 2.15: Lý do không muốn học ngành Công nghệ tài chính.....	31
Bảng 2.16 Nhu cầu đăng ký học trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.....	32
Bảng 2.17 Chỉ tiêu tuyển sinh đại học ngành Công nghệ tài chính của một số trường đại học	33
Bảng 3.1: Danh sách giảng viên cơ hữu đảm bảo mở ngành trình độ đại học Công nghệ tài chính.....	39
Bảng 3.2: Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	52
Bảng 3.3: Các doanh nghiệp kết nối đồng hành với khoa để sinh viên thực tập, thực hành, bổ sung thêm thuê ngoài các phần mềm thực hành như Viet Victory (cơ sở ngoài trường).....	54
Bảng 3.4: Quy mô thư viện	55
Bảng 3.5: Các tài liệu phục vụ đào tạo	56
Bảng 3.6: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu).....	69
Bảng 3.7: Hội thảo/Hội nghị quốc tế đã tổ chức trong 5 năm qua.....	72

Bảng 3.8: Các hướng nghiên cứu đề tài khóa luận ngành Công nghệ tài chính	74
Bảng 3.9: Tổng quan nguồn nhân lực của khoa tính đến 15/12/2022	87
Bảng 3.10: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học ngành Công nghệ Tài Chính.....	88
Bảng 3.11: Cơ cấu CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng giai đoạn 2022-2030 phát triển nguồn tại chỗ	89
Bảng 3.12: Cơ cấu CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng giai đoạn 2022-2030 kể cả nguồn tuyển dụng bổ sung	90
Bảng 3.13: Kế hoạch tuyển sinh	93

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Tài chính-Marketing.....	7
--	---

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Viết đầy đủ	Ghi chú
AI	Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence
AUN-QA	ASEAN University Network – Quality Assurance	Chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
BTC	Bộ Tài chính	
CBGV	Cán bộ giảng viên	
CLC	Chất lượng cao	
CLCTATP	Chất lượng cao tiếng Anh toàn phần	
CTĐT	Chương trình đào tạo	
ĐH	Đại học	
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	
DN	Doanh nghiệp	
Fintech	Financial Technology	Công nghệ tài chính
HV	Học viên	
KTDQG	Khung trình độ quốc gia Việt Nam	Vietnamese Qualifications Framework (VQF)
NCKH	Nghiên cứu khoa học	
NCS	Nghiên cứu sinh	
NH	Người học	
NSNN	Ngân sách nhà nước	
PGS	Phó giáo sư	
PHNV	Phương hướng nhiệm vụ	
QTKD	Quản trị kinh doanh	

SV	Sinh viên	
TCNH	Tài chính - Ngân hàng	
ThS	Thạc sĩ	
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh	
TS	Tiến sĩ	
UFM	Trường Đại học Tài chính – Marketing	University of Finance - Marketing
VHVL	Vừa học vừa làm	

PHẦN 1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

1.1 Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính - Marketing

1.1.1 Quá trình xây dựng và phát triển

Trường Đại học Tài chính - Marketing được thành lập ngày 01/9/1976 theo Quyết định số 210/VGNN-TCĐT của Ủy ban Vật giá Nhà nước với tên ban đầu là Trường Cán bộ Vật giá Trung ương. Ngày 23/8/1978, Trường Cán bộ Vật giá Trung ương tại miền Nam được chuyển thành Trường Trung học Vật giá số 2 theo Quyết định số 175/VGNN-TCCB của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

Qua những thành quả Trường đạt được về đào tạo và phục vụ xã hội, ngày 04/11/1994, Trường được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 641/QĐ-TTg nâng cấp trở thành trường cao đẳng và thuộc hệ thống các trường đại học, cao đẳng quốc gia, có tên là Trường Cao đẳng Bán công Marketing trực thuộc Ban Vật giá Chính phủ, và từ năm 2002 trở đi thì trực thuộc Bộ Tài chính. Trường đào tạo cử nhân cao đẳng các ngành Marketing, Tin học ứng dụng trong kinh doanh, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Thẩm định giá và Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh). Trường là nơi đầu tiên ở phía Nam đào tạo ngành Marketing (năm 1991 hệ trung cấp, năm 1994 hệ cao đẳng) và là trường đầu tiên trong cả nước đào tạo chuyên ngành Thẩm định giá (năm 2000).

Đến ngày 05/3/2004, Trường được nâng cấp thành trường đại học với tên gọi Trường Đại học Bán công Marketing theo Quyết định số 29/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến ngày 25/03/2009, Trường Đại học Bán công Marketing trở thành trường đại học công lập, được đổi tên thành Trường Đại học Tài chính - Marketing theo Quyết định số 395/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 23/3/2015, Trường Đại học Tài chính - Marketing được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 - 2017 tại Quyết định số 378/QĐ-TTg, trở thành một trong năm trường đại học công lập đầu tiên được giao thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017. Theo Quyết định này, Trường Đại học Tài chính – Marketing sẽ được tự chủ toàn phần trong các hoạt động của trường như tự chủ về tài chính (kể cả đầu tư và chi thường xuyên), về nhân sự, về đào tạo, về học thuật, hoạt động khoa học,... Đến ngày 04/8/2017, Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định sáp nhập vào Trường Đại học Tài chính – Marketing theo Quyết định số 1138/QĐ-TTg.

Sau hơn 5 năm thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Nhà trường có những bước phát triển đáng kể: chất lượng đào tạo ngày càng tăng, được xã hội và người học đánh giá cao, quy mô và chất lượng đội ngũ giảng viên ngày càng được nâng lên, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo từng bước được nâng cao, đời sống giảng viên, viên chức từng bước được cải thiện, hình ảnh và uy tín xã hội của nhà trường không ngừng được nâng cao ... Với bề dày hơn 45 năm hình thành và phát triển, trong đó có gần 20 năm đào tạo đại học (2004 - 2021), đến nay Trường Đại học Tài chính - Marketing đã trở thành một cơ sở đào tạo có uy tín của Bộ Tài chính ở khu vực phía Nam, là một trong những trường top đầu trong khối các trường đại học kinh tế khu vực phía Nam.

Về ngành nghề đào tạo, hiện trường đang đào tạo 14 ngành đào tạo đại học với 29 chuyên ngành; 3 ngành thạc sĩ và 2 ngành tiến sĩ các lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị doanh nghiệp.

Về trình độ đào tạo và quy mô đào tạo, Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo đủ các trình độ từ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ với quy mô đào tạo khoảng 20.000 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh.

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2013 – 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo Quyết định số 2772/QĐ-BTC ngày 12/11/2013. Chiến lược xác định: Trường Đại học Tài chính – Marketing đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn hội nhập thế giới, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển đất nước; tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành tài chính, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Đến năm 2025, Trường sẽ trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu, gắn với nhu cầu xã hội, đạt tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có một số ngành đạt chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến năm 2030, Trường sẽ đạt đẳng cấp một trong 200 đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á¹.

Đến năm 2017, để phù hợp yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong tình hình mới, Trường đã kiến nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận cho phép sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Trường, trong đó, xác định mục tiêu phát triển Trường Đại học Tài chính - Marketing đến năm 2020 trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng, đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ít nhất 02 chương trình đạt chuẩn đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến năm 2030, Trường đạt đẳng cấp một trường đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam

¹ Chiến lược phát triển UFM giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2030

Á^[2]. Đến năm 2045, Trường phấn đấu đạt được xếp hạng trong top 500 trường đại học hàng đầu khu vực Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành một trường đại học theo định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam; đồng thời là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý của Việt Nam và khu vực ASEAN.

Ngày 17/10/2022, Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM-HĐT về việc phê duyệt chiến lược phát triển trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Với mục tiêu, đến hết năm 2026, Trường Đại học Tài chính – Marketing trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng, duy trì đạt chuẩn quốc gia cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 4 chương trình đạt chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến hết năm 2030, Trường đạt đẳng cấp trường đại học uy tín của khu vực ASEAN; đến hết năm 2045, Trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học danh tiếng khu vực Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam và khu vực ASEAN³.

1.1.2 Các ngành, trình độ đang đào tạo

a) Về trình độ, hình thức và ngành nghề đào tạo

Trường Đại học Tài chính – Marketing đào tạo đa ngành, đa cấp độ với các bậc, hệ đào tạo như sau:

- Trình độ đào tạo: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.
- Hình thức đào tạo: chính quy; vừa làm vừa học; liên thông chính quy từ cao đẳng lên đại học; liên thông vừa làm vừa học từ cao đẳng lên đại học; liên thông từ đại học sang đại học; liên kết đào tạo với nước ngoài.
- Trường tiếp tục đào tạo các chương trình: đại trà (nay gọi chương trình chuẩn), đặc thù (lĩnh vực du lịch), chất lượng cao, CLC tiếng Anh toàn phần (chương trình quốc tế) và các chương trình liên kết quốc tế,...
- Các ngành đào tạo:
 - + Đào tạo đại học:
 - Chương trình chuẩn: 14 ngành với 25 chuyên ngành.

² Chiến lược phát triển UFM giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2020 sửa đổi, bổ sung

³ Chiến lược phát triển trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Chương trình đặc thù: 3 ngành với 4 chuyên ngành.
- Chương trình chất lượng cao: 6 ngành với 10 chuyên ngành.
- Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần: 3 ngành.

+ Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ: Với những nguồn lực, thành tựu và uy tín đã đạt được qua 45 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Tài chính – Marketing đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức trao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2011 với ngành Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng. Năm 2015, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh (QTKD) và Tài chính – Ngân hàng (TCNH). Lúc đầu, Trường chỉ được cấp 190 chỉ tiêu cho hai chuyên ngành QTKD và TCNH. Những năm tiếp theo, Trường tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo tin nhiệm giao thêm chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ với số lượng năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: năm 2012 với 460 chỉ tiêu, năm 2013, 2014 với 600 chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ mỗi năm. Từ năm 2015, với chủ trương chung là nâng cao chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ nên Trường duy trì quy mô 300 chỉ tiêu/năm. Năm 2016, Nhà trường đã bắt đầu tuyển sinh trình độ tiến sĩ đầu tiên với 02 chuyên ngành QTKD và TCNH theo chỉ tiêu cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 10 học viên mỗi ngành. Trong giai đoạn 2017 – 2022, tổng số học viên cao học tuyển mới là 1.190 HV trong đó có 1.347 học viên cao học đã tốt nghiệp. Đối với trình độ Tiến sĩ, trong giai đoạn này trường đã tuyển mới 78 nghiên cứu sinh cho cả 02 chuyên ngành QTKD và TCNH. Đặc biệt trong năm 2021 có 01 nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp, năm 2022 có 05 nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp.

+ Đào tạo liên kết quốc tế: 03 ngành cử nhân và 01 ngành tiến sĩ.

b) Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo:

Tính đến tháng 12/2022 là 19.646 sinh viên, học viên, NCS, trong đó: có 76 NCS và 478 HV cao học, 17.939 SV đại học chính quy, 1.153 SV đại học VLVH. Tổng số sinh viên cử nhân liên kết quốc tế là 1.251 sinh viên (1.220 sinh viên chương trình cử nhân liên kết, 31 DBA-UCSI).

Bảng 1.1: Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2022

STT	Trình độ đào tạo	2021	Đến 31/12/2022	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
1	Sau đại học	707	554	
1.1	Tiến sĩ	62	76	122,5%

STT	Trình độ đào tạo	2021	Đến 31/12/2022	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
1.2	Thạc sĩ	645	478	74,10%
2	Đại học	18.825	17.939	106,7%
2.1	Chính quy	17.311	17.939	103,63%
2.1.1	Chính quy tập trung	17.113	17.851	104,31%
2.1.2	Chương trình CLC tiếng Anh toàn phần (chương trình quốc tế IP)	299	332	111,04%
2.1.3	Chương trình chất lượng cao	5.440	6.414	117,90%
2.1.4	Chương trình đặc thù	2.617	2.366	90,41%
2.1.5	Chương trình đại trà (nay là chương trình chuẩn)	8.757	8.739	99,79%
2.1.6	Liên thông chính quy	198	88	44,44%
2.2	Vừa làm vừa học	1.514	1.153	76,15%
3	Cao đẳng chính quy	296	-	-
4	Chương trình liên kết quốc tế	899	1.251	
4.1	Chương trình cử nhân liên kết	878	1220	138,95%
4.1	Chương trình liên kết tiến sĩ Quản trị kinh doanh (DBA-UCSI)	21	31	147,61%
	Tổng cộng	19.828	19.646	99,01%

Nguồn: Báo cáo kết quả THNH công tác năm 2022 và PHNV công tác năm 2023

1.1.3 Thống kê số khóa và sinh viên tốt nghiệp

Bảng 1.2: Bảng thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Năm 2021			Năm 2022		
		Số SV kết thúc khóa học năm 2021	Số SV tốt nghiệp năm 2021	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Số SV kết thúc khóa học năm 2022	Số SV tốt nghiệp năm 2022	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
	Đại học chính quy	2.444	1.506	61,62%	3.641	2.533	69,57%
1.	Chính quy tập trung	2.148	1.413	65,78%	3.443	2.500	72,61%
1.1	Chương trình CLC tiếng Anh toàn phần (chương trình quốc tế - IP)	25	20	80,00%	63	41	65,08%

STT	Trình độ đào tạo	Năm 2021			Năm 2022		
		Số SV kết thúc khóa học năm 2021	Số SV tốt nghiệp năm 2021	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Số SV kết thúc khóa học năm 2022	Số SV tốt nghiệp năm 2022	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
1.2	Chương trình chất lượng cao	335	171	51,04%	718	542	75,49%
1.3	Chương trình đặc thù				578	331	57,27%
1.4	Chương trình đặc biệt		9				
1.5	Chương trình đại trà (nay là chương trình chuẩn)	1.788	1.213	67,84%	2.084	1.586	76,10%
2.	Liên thông chính quy	296	93	31,42%	198	33	16,67%

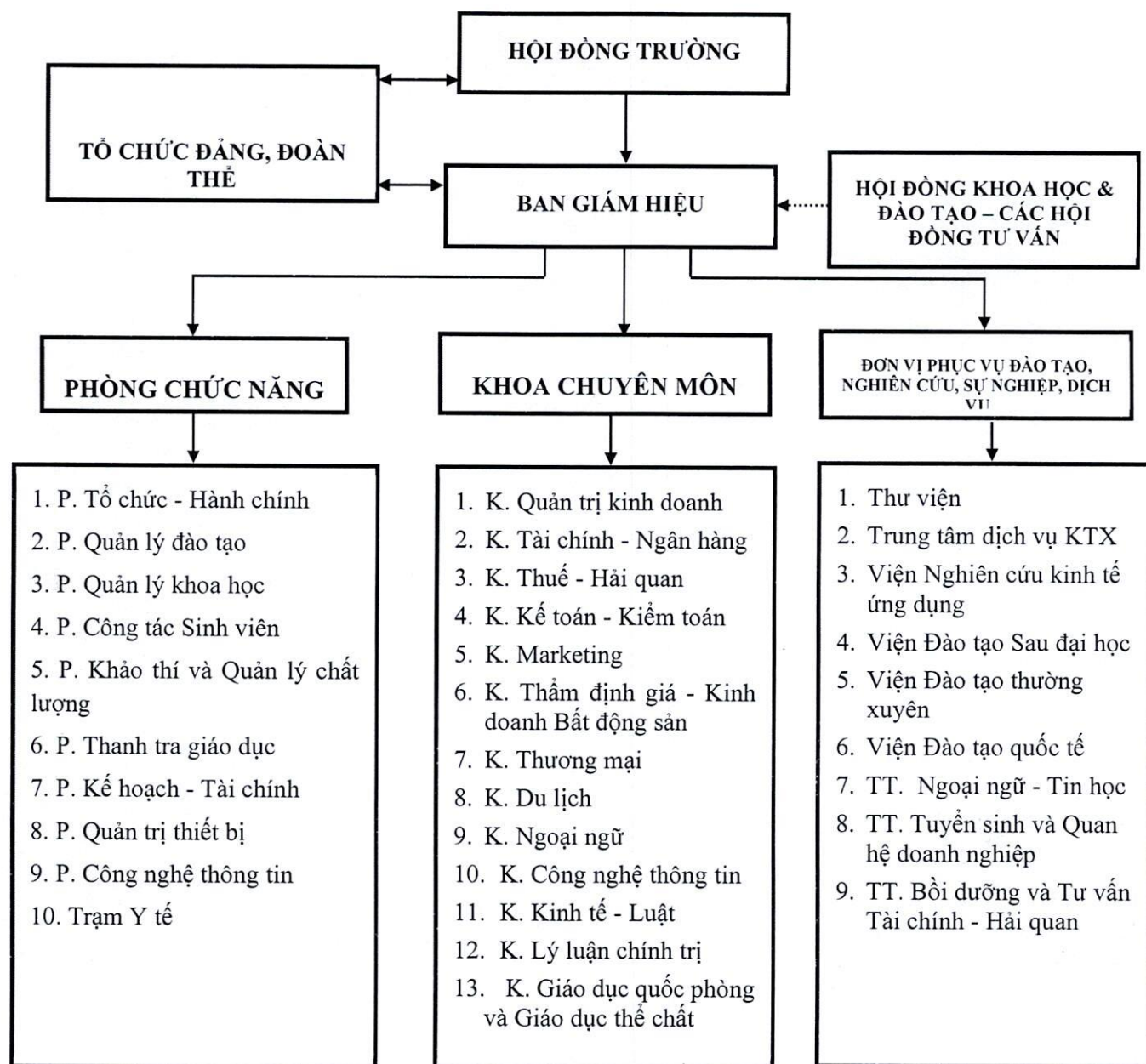
Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

1.1.4 Đội ngũ nhân sự

a) Về cơ cấu tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức bộ máy Trường được hoàn thiện cùng với quá trình xây dựng và phát triển của Trường. Nhà trường phấn đấu xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với Quy chế Tổ chức và hoạt động đã được Bộ Tài chính phê duyệt, đáp ứng kịp thời theo nhu cầu đào tạo của Nhà trường trong từng thời kỳ. Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại của Trường gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, hội đồng khoa học và đào tạo và 32 đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, trong đó có 13 khoa chuyên môn; 3 viện đào tạo; 10 phòng chức năng; 6 đơn vị nghiên cứu, phục vụ đào tạo. Bên cạnh các khoa, phòng, trung tâm, viện trực thuộc, Trường còn có Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing là nơi công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học trong và ngoài trường.

Các tổ chức Đảng, đoàn thể của Trường: Đảng bộ trường, Công đoàn trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường, Hội Cựu chiến binh trường, Ban Liên lạc cựu sinh, Ban Liên lạc cựu hưu trí.



Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Tài chính – Marketing
b) Về đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức và người lao động

Nhà trường ý thức được rằng đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức là nguồn lực quan trọng nhất, là nhân tố có tính quyết định đến sự phát triển và chất lượng đào tạo của Trường. Vào thời điểm mới thành lập năm 1976, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường còn ít về số lượng và trình độ đào tạo không đồng đều. Đến năm 1994, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường có sự chuyển biến tích cực về số lượng và trình độ đào tạo được nâng lên đáng kể; tuy nhiên số cán bộ, giảng viên có học vị tiến sĩ, thạc sĩ còn thấp, chỉ

chiếm khoảng 30% tổng số cán bộ, giảng viên của Trường. Sau quá trình phát triển mạnh, đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức của Trường đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là số giảng viên có trình độ sau đại học tăng lên đáng kể. Tính đến nay, quy mô giảng viên, cán bộ viên chức và người lao động của Trường đã tăng gấp hàng chục lần với so với thời điểm trường trung cấp chuyên nghiệp (1978 – 1992) và gấp 4 lần so với thời điểm còn là Trường Đại học Bán công Marketing năm 2004 (khoảng 110 lên hơn 450 người vào năm 2016) và đến 31/12/2022 tổng số viên chức là 561 người, trong đó có 419 giảng viên, 142 viên chức hành chính, đạt tỷ lệ 92,42% (561/607) so với tổng số lượng người làm việc của năm 2021 (là viên chức) đã được Bộ Tài chính phê duyệt; đạt tỷ lệ 90,33% (561/621) so với tổng số lượng người làm việc của năm 2022 (đã được Hội đồng trường thông qua).

Trong tổng số giảng viên, có 9 Phó Giáo sư, 92 Tiến sĩ, 299 Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ từ Thạc sĩ trở lên là 95,47 %, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ là 23% (92/400, không tính PGS). Tỷ lệ giảng viên: 74,69%, viên chức hành chính: 25,31%. Sự tăng trưởng số lượng giảng viên, cán bộ viên chức tập trung mạnh trong phạm vi thời gian 10 năm trở lại đây, do công tác tuyển dụng diễn ra thường xuyên, liên tục kết hợp với việc tiếp nhận giảng viên từ các cơ sở đào tạo khác với cơ sở thí điểm giao tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/10/2024. Việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing theo Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, đã góp phần bổ sung và phát triển đội ngũ của Nhà trường.

1.2 Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng

1.2.1 Quá trình xây dựng và phát triển

Khoa Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tài chính – Marketing được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-ĐHMKKT ngày 27/5/2004. Từ năm 2006 Khoa được Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và chuyên ngành Ngân hàng. Đến năm 2011, Khoa bắt đầu đào tạo cao học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng và năm 2015 được giao nhiệm vụ đào tạo thêm chuyên ngành Tài chính định lượng (trình độ đại học) đồng thời tiếp nhận đào tạo chuyên ngành Tài chính bảo hiểm và đầu tư từ Khoa Thuế - Hải quan. Năm 2016, Khoa đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng khóa đầu tiên. Tháng 10 năm 2017, sáp nhập một phần Khoa Tài Chính của Trường Cao đẳng Tài Chính – Hải Quan (cũ) vào Khoa Tài chính – Ngân hàng. Từ năm 2018, với sự lớn mạnh của đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị, Khoa Tài chính – Ngân hàng được Ban giám hiệu giao nhiệm vụ phụ trách chuyên môn

hoạt động đào tạo sau đại học bao gồm chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ từ Tiểu ban Tài chính – Ngân hàng.

Năm 2019, Khoa có 2 chương trình đào tạo là CTĐT thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng và CTĐT đại học CLC chuyên ngành Ngân hàng đạt chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tỷ lệ đạt rất cao. Quy mô đào tạo của Khoa hiện nay trên 2.600 sinh viên đại học chính quy, trong đó sinh viên chất lượng cao chiếm khoảng 58%, 104 thạc sĩ và 40 tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng đang theo học.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng ngày càng tiệm cận với CTĐT của các trường đại học ở các nước, biên soạn và cập nhật hệ thống giáo trình, tài liệu... đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên. Với mục tiêu nâng cao tính thực tiễn của CTĐT, Khoa đã thực hiện liên kết đưa các sinh viên đi thực tế tại các doanh nghiệp hoặc mời các chuyên gia đến trường báo cáo chuyên đề. Bên cạnh đó, để nâng cao tính thực tiễn, Khoa đã thiết kế các học phần mô phỏng và đề nghị Nhà trường đầu tư các phòng mô phỏng nghiệp vụ để sinh viên thực hành. Hiện nay, Khoa Tài chính - Ngân hàng có phòng Mô phỏng ngân hàng do ngân hàng Vietcombank tài trợ phần mềm, thao tác qua tài khoản online và đã được đưa vào chương trình giảng dạy; xây dựng phòng thực hành mô phỏng đầu tư tài chính. Việc đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng nâng cao tính thực tiễn của chương trình đã góp phần quan trọng vào việc công nhận đạt chuẩn chất lượng các CTĐT của Khoa trong năm 2022.

Bảng 1.3: Thành tích của khoa Tài chính – Ngân hàng những năm qua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định
2016	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 657/QĐ-BTC ngày 13/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
2017	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 995/QĐ-BTC ngày 19/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
2018	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 1197/QĐ-BTC ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
2019	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 830/QĐ-BTC ngày 08/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

2020	Giấy khen tập thể điển hình tiên tiến cấp trường giai đoạn 2015-2019	Quyết định số 1085/QĐ-DHTCM ngày 18/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính Marketing
2020	Bằng khen Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 1237/QĐ-BTC ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
2020	Bằng khen Thủ tướng chính phủ	Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ Tướng Chính phủ
2021	Bằng khen Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 1110/QĐ-BTC ngày 10/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
2022	Đề nghị Tập thể Lao động xuất sắc	Đang chờ quyết định của Bộ Tài chính

1.2.2 Cơ cấu tổ chức của Khoa

Đội ngũ giảng viên là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, nên được Ban giám hiệu và Ban lãnh đạo Khoa đặc biệt quan tâm và đã có các chính sách phát triển đội ngũ cả về chất và số lượng. Kết quả của các chính sách này đã làm cho đội ngũ giảng viên của Khoa phát triển nhanh chóng. Từ lúc thành lập, Khoa chỉ có 4 giảng viên, đến nay khoa đã phát triển thành một khoa chuyên ngành lớn của Trường. Đến 31/12/2022 tổng số nhân sự của Khoa Tài chính – Ngân hàng là 44 người, trong đó 42 giảng viên và 2 thư ký khoa, với cơ cấu như sau:

- Khoa có 4 bộ môn, trong đó có 3 bộ môn đào tạo sinh viên chuyên ngành
- Bộ môn Tài chính tiền tệ: 11 giảng viên, có 2 TS còn lại là 9 ThS
- Bộ môn Tài chính doanh nghiệp: 15 giảng viên, có 1 PGS, 6 TS và 8 ThS
- Bộ môn Ngân hàng: 11 giảng viên, có 1 PGS, 2 TS và 8 ThS
- Bộ môn Tài chính - bảo hiểm và đầu tư: 5 giảng viên, 4 TS và 1 ThS

Bảng 1.4: Cơ cấu nhân sự Khoa Tài chính - Ngân hàng giai đoạn 2017 – 2021 theo học hàm, học vị

Học hàm, học vị	Năm					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Phó giáo sư, tiến sĩ	3	3	4	3	2	2
Tiến sĩ	9	6	10	13	12	14
Thạc sĩ	27	28	30	27	27	27
Đại học	5	6	5	2	1	1

Tổng cộng	44	43	49	45	42	44
-----------	----	----	----	----	----	----

Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

1.2.3 Hoạt động giảng dạy của Khoa

Hiện nay, Khoa Tài chính - Ngân hàng thực hiện đào tạo các chương trình đào tạo Cử nhân: Chương trình đào tạo Chuẩn; Chương trình đào tạo Chất lượng cao. Các CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng giữ vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường. Ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học được đào tạo gồm 7 chuyên ngành, trong đó có 3 chuyên ngành do Khoa Tài chính - Ngân hàng trực tiếp quản lý, bao gồm: chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp (TCDN), chuyên ngành Ngân hàng (NH), chuyên ngành Tài chính bảo hiểm và Đầu tư.

Các mục tiêu đào tạo được xây dựng trên nền tảng sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing, Khoa Tài chính – Ngân hàng đã xây dựng các chương trình chuyên ngành đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của Đại học Tài chính - Marketing. Thời gian qua ngành Tài chính - Ngân hàng đã đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của xã hội và cộng đồng DN trong tiến trình hội nhập quốc tế. Các hoạt động tư vấn học tập và hoạt động hỗ trợ người học đa dạng, thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và tăng cường các kỹ năng của người học; Khoa cũng đã xúc tiến các hoạt động đào tạo, nghiên cứu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên. Trong đó, ngày càng chú trọng đến chất lượng đào tạo, quy mô chương trình đào tạo không ngừng tăng lên qua các năm.

Bảng 1.5: Quy mô đào tạo bậc đại học phân theo lớp

STT	Lớp	TCDN	NH	BH	Tổng số lớp	Tỷ lệ CLC	Trung bình CLC 4 khóa
1	K19-DT	3	2	1	6	54%	58%
2	K19-CLC	4	3		7		
3	K20-DT	2	2	1	5	64%	
4	K20-CLC	7	2		9		
5	K21-DT	3	2	1	6	62%	
6	K21-CLC	7	2		9		

7	K22-DT- ước tính	3	2		5	64%	
8	K22-CLC	5	4		9		
Tỷ lệ CLC theo chuyên ngành		68%	58%	0%	56 lớp		

Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Bảng 1.6: Quy mô đào tạo bậc đại học phân theo số lượng sinh viên

STT	Số lượng SV	TCDN	NH	BH	Tổng số SV	Tỷ lệ CLC	Trung bình CLC 4 khóa
1	K19-DT	142	104	42	288	50%	51%
2	K19-CLC	175	111		286		
3	K20-DT	121	103	50	274	55%	
4	K20-CLC	269	72		341		
5	K21-DT	121	103	50	274	55%	
6	K21-CLC	262	77		339		
7	K22 - DT (ước tính)	250	200	50	500	42%	
8	K22- CLC	287	82	0	369		
Tỷ lệ CLC theo chuyên ngành		60%	40%	0%	2.671 SV		

Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Bảng 1.7: Quy mô đào tạo bậc sau đại học

Bậc đào tạo	Lớp	Tổng số HV Ngành Tài chính - Ngân hàng	HV chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	Tỷ lệ HV chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng
Cao học	TCNH 16.1	55	22	40%
	TCNH 16.2	16	9	56%
	TCNH 17	17	13	76%
	TCNH 18	41	41	100%
	TCNH 19	104	104	100%

Nghiên cứu sinh		40	40	100%
-----------------	--	----	----	------

Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Khoa chính thức tham gia đào tạo sau đại học ngành Tài chính – Ngân hàng: đào tạo thạc sĩ từ năm 2011 và đào tạo tiến sĩ từ năm 2016. Khoa Tài chính - Ngân hàng cũng trực tiếp tham gia xây dựng và đào tạo chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. Khoa đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội nói chung và cho ngành Tài chính nói riêng.

1.2.4 Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa

a) Hoạt động NCKH của giảng viên

Trong giai đoạn 2017 đến nay, tập thể giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng đã tham gia thực hiện 02 đề tài cấp Nhà Nước, chủ trì 19 đề tài cấp Tỉnh/Bộ, 24 đề tài cấp trường. Biên soạn, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 12 giáo trình. Rất nhiều các hội thảo khoa học từ cấp Khoa, Cấp trường và cấp Tỉnh được Ban lãnh đạo Khoa chủ trì tổ chức để chia sẻ các kết quả nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề kinh tế, tài chính, ngân hàng giữa các nhà khoa học... thông qua các hội thảo khoa này, uy tín khoa học của Khoa ngày càng được nâng lên, góp phần vào nâng cao uy tín của Nhà trường.

Việc thực hiện đồng bộ các quy chế, quy định trong công tác tổ chức, quản lý hoạt động KH&CN với cơ chế chính sách phù hợp của Nhà trường, của Ban lãnh đạo Khoa Tài chính – Ngân hàng và cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, giảng viên giai đoạn 2017 – 2022 hoạt động NCKH đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như sau:

* Các đề tài/ dự án khoa học

Bảng 1.8: Số lượng các đề tài/ dự án khoa học của CBGV Khoa Tài chính – Ngân hàng làm chủ trì thực hiện

STT	Năm	Cấp Bộ/Tỉnh	Cấp cơ sở
1	2017		3
2	2018	1	4
3	2019	1	2
4	2020		1
5	2021	7	7

6	2022	2	4
---	------	---	---

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Từ năm 2017 – 2022, Khoa Tài chính – Ngân hàng đã triển khai nghiên cứu và đưa vào ứng dụng 9 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 19 đề tài cấp trường và huy động được phần lớn giảng viên trong khoa tham gia nghiên cứu. Ngoài ra, trường đã có nhiều giảng viên được mời tham gia vào thành viên của đề tài/đề án các cấp cũng như tham gia Hội đồng phản biện đề tài khoa học các cấp Bộ/Tỉnh.

* Bài báo, công trình khoa học của CBGV đã công bố

**Bảng 1.9: Số lượng bài báo, công trình khoa học của cán bộ giảng viên
Khoa Tài chính - Ngân hàng đã công bố**

STT	Năm	Bài báo trong danh mục ISI/Scopus	Báo cáo tại hội thảo quốc tế	Bài báo công bố tại các tạp chí trong nước
1	2017		13	8
2	2018	1	7	5
3	2019	2	8	26
4	2020	16	13	14
5	2021	19	4	21
6	2022	21	24	49

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Bảng 1.10: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Nguyen, D; Ngo, T; Nguyen, R; Cao, T. H & Pham, D. H (2019), “Corporate social responsibility, balanced scorecard system and financial performance in the service sector: the case of Vietnam”, <i>Management Science Letters</i> , 9 (2019) 2215–2228	
2	Phạm, Q. V; Hồ, T. H; Phạm, Đ. H; Nguyễn, V. P & Lê, T. H. H (2019), “Vai trò của giám đốc điều hành trong doanh nghiệp tăng trưởng nhanh - trường hợp Việt Nam”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing</i> , 53/2019.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
3	Phạm, Đ. Huy & Hoàng, V. T (2020), “Kinh nghiệm quản lý đồng tiền kỹ thuật số”, <i>[trong] hội thảo khoa học Hệ thống Tài chính trong bối cảnh phát triển đồng tiền kỹ thuật số</i> , khoa TCNH, ĐH Tài chính – Marketing.	
4	Phạm, Đ. Huy (2020), “Hoàn thiện khung pháp lý về đồng tiền kỹ thuật số trong thời đại CMCN 4.0”, <i>[trong] hội thảo khoa học Hệ thống Tài chính trong bối cảnh phát triển đồng tiền kỹ thuật số</i> , khoa TCNH, ĐH Tài chính – Marketing.	
5	Pham, Đ. H & Pham, Q. V (2020), “ <i>The impact of CEO duality on firm performance: Examining the life-cycle theory in Vietnam</i> ”, <i>Accounting</i> , 6 (2020) 737–742.	
6	Phạm, Đ. H (2021), “ <i>Đặc điểm của giám đốc điều hành ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam qua các giai đoạn của vòng đời công ty</i> ”, <i>Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing</i> , Số 64-08/2021.	
7	Cao, T. H, Phạm, Đ. H & Phan, T. H (2021), “ <i>Tác động của sở hữu gia đình đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty gia đình: Trường hợp Việt Nam</i> ”, <i>Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing</i> , Số 65-10/2021.	
8	Thach, N. N., Ngan, T. H., Linh, N. T. X. & Nam, V. O. (2020). “ <i>Reconsidering Hofstede's Cultural Dimensions: A Different View on South and Southeast Asian Countries</i> ”. The Third International Econometric Conference of Vietnam. 3th International Conference on Financial Econometrics ECONVN'2020 & Springer edited book: <i>Series Title: Data Science for Financial Econometrics</i> .	
9	Ha, V. D., Linh, N. T. X., Nhung, T. T. & Hung, N. M. (2020). “ <i>Does capital affect bank risk in Vietnam: A bayesian approach.</i> ” The Third International Econometric Conference of Vietnam. 3th International Conference on Financial Econometrics ECONVN'2020 & Springer edited book: <i>Series Title: Data Science for Financial Econometrics</i> .	
10	Thach, N. N & Linh, N. T. X (2020). “ <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm quốc gia tại một số quốc gia Châu Á: tiếp cận bằng Ordered Logit Bayes</i> ”. <i>Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế</i> , Số 125/2020.	
14	Linh, N. T. X (2020). “ <i>Social Existence Determines Consciousness: How the Economy Matters for Cultural Changes? A Study of Selected Asian Countries. Asian Journal of Economics and Banking</i> ”. Vol 4/issue 1/2020.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
15	Dung, H. V., Hac, L. Đ., Linh, N. T. X., & Hung, N. M. (2020). “ <i>Ứng dụng cách tiếp cận Bayes trong đánh giá tác động của vốn và các yếu tố vĩ mô đến khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại Việt Nam.</i> ” <i>Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á</i> . Số 170 tháng 5.2020.	
16	Linh, N. T. X., Tan, N. N., Nam, N. H. & Ngan., P. T. T. (2020). “ <i>Tác động chính sách an toàn vĩ mô đến rủi ro ngân hàng: nghiên cứu tại các Quốc gia có nền kinh tế mới nổi và dẫn dắt tăng trưởng kinh tế thế giới.</i> ” <i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á</i> . Số 31 Tháng 8/2020	
17	Linh, N. T. X., & Tan, N. N (2020). “ <i>Tác động của chính sách an toàn vĩ mô và chính sách tiền tệ đến rủi ro ngân hàng tại nhóm nước Eagle – Cách tiếp cận Bayes</i> ”	
18	Bui, N. T. & Doan, T. T. T. (2019), “ <i>Kinh tế vĩ mô và chỉ số giá nhà ở - Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hồ Chí Minh</i> ”, <i>Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á</i> , 154&155, 63-73.	
19	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2019), “ <i>Stock market, real estate market, and economic growth: an ARDL approach</i> ”, <i>Investment Management and Financial Innovations</i> , 16(4), 290-302.	
20	Bui, N. T. (2019), “ <i>Stock market performance: evidence from an emerging market</i> ”, <i>Pacific Business Review International</i> , 12(5), 15-26.	
20	Bui, N. T. (2020), “ <i>Domestic credit and economic growth in ASEAN countries: a nonlinear approach</i> ”, <i>International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies</i> , 11(2), 1-9.	
21	Bui, N. T. (2020), “ <i>Financial depth and the real estate market: an empirical study of the wealth effect</i> ”, <i>Asian Economic and Financial Review</i> , 10(8), 936-945.	
22	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2020), “ <i>The financial development and the real estate market in Vietnam: a study in case of the global financial crisis</i> ”, <i>Entrepreneurship and Sustainability Issues</i> , 8(2), 960-971.	
23	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2020), “ <i>The real estate market and financial stability</i> ”, <i>International Journal of Mathematical, Engineering and Management Sciences</i> , 5(6), 1270-1283.	
24	Bui, N. T. & Doan, T. T. T. (2021), “ <i>The impact of stock market development on economic growth: a GMM approach</i> ”, <i>Investment Management and Financial</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Innovations</i> , 18(3), 74-81.	
25	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2021), “ <i>The macroeconomy and the real estate market: evidence from the global financial crisis and the COVID-19 pandemic crisis</i> ”, <i>Industrial Engineering and Management Systems</i> , 20(3), 373-383.	
26	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2021), “ <i>Trade openness and economic growth: a study on ASEAN-6</i> ”, <i>Economies</i> , 9, 113.	
27	Nguyen, T. M. L., Doan, T. T. T. & Bui, N. T. (2021), “ <i>The impact of macroeconomic and control of corruption on foreign direct investment inflows</i> ”, <i>Polish Journal of Management Studies</i> , 24(1), 236-249.	
28	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2022), “ <i>Government expenditure and economic growth: does the role of corruption control matter?</i> ”, <i>Heliyon</i> , 8(10), e10822.	
29	Nguyen, T. M. L. & Bui, N. T. (2022), “ <i>Stock market reaction to Covid-19: Evidence from Vietnam</i> ”, <i>Journal of Finance – Marketing</i> , 72(6), 24-34.	
30	Nguyen, T. M. L., Bui, N. T. & Nguyen, T. H. (2022), “ <i>The impact of information technology use on economic growth: the case of Asean countries</i> ”, <i>Proceedings The International Conference on Business Based on Digital Platform (BDP-2)</i> , University of Finance – Marketing, Finance Publishing House, 55-64.	
31	Nguyen, T. M. L., Bui, N. T., Thai, D. T., Nguyen, T. T. & Nguyen, T. H. (2022), “ <i>Shadow economy, corruption, and economic growth: a Bayesian analysis</i> ”, <i>Studies in Systems, Decision and Control: Financial Econometrics: Bayesian Analysis, Quantum Uncertainty, and Related Topics</i> , 747-762.	

Công bố khoa học thể hiện năng lực khoa học cũng như năng suất nghiên cứu khoa học của cá nhân, tổ chức nghiên cứu và thậm chí một quốc gia. Do đó, nhà trường và Khoa Tài chính - Ngân hàng cũng đã có những chính sách nhằm hỗ trợ, thưởng cho giảng viên khi công bố quốc tế.

Giai đoạn 2017 – 2022, số bài báo của giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín như ISI/Scopus, hội thảo quốc tế và tạp chí trong nước không ngừng tăng cả về số lượng và chất lượng. Năm 2020 – 2022, có thể xem là năm mà hoạt động công bố quốc tế của Khoa Tài chính - Ngân hàng khá mạnh. Năm 2020 đạt 16 bài, năm 2021 đạt 19 bài và năm 2022 đạt 21 bài.

* Bài tham luận, hội nghị, hội thảo khoa học

Bảng 1.11: Số lượng bài tham luận hội nghị, hội thảo khoa học của cán bộ giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng

STT	Năm	Hội thảo cấp quốc gia/cấp tỉnh	Hội thảo cấp trường	Hội thảo cấp khoa
1	2017	5	9	7
2	2018	10	36	6
3	2019	9	7	11
4	2020	13	14	25
5	2021	3	17	15
6	2022	8	14	

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Từ năm 2017 cho đến nay, Khoa Tài chính - Ngân hàng đã tổ chức thành công trên 17 hội thảo khoa học cấp tỉnh, trường và cấp khoa; số lượng giảng viên tham gia viết bài hội thảo các cấp không ngừng tăng lên từ năm 2017 số lượng bài tham luận là 21 bài cho đến năm 2021 là 35 bài tham luận và năm 2022 là 22 bài. Các hội thảo khoa học đã bám sát nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Hội thảo cấp trường hàng năm tổ chức đã được huy động được số lượng giảng viên trong khoa, trong trường và ngoài trường tham gia viết bài tham luận và đến dự hội thảo.

Trong năm 2022, Khoa Tài chính - Ngân hàng đã thực hiện 1 đề tài Bộ với chủ đề “Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam” và 1 đề tài cấp tỉnh với chủ đề “Đánh giá cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 – 2020, kéo dài năm 2021, và các nhân tố tác động, đề xuất mô hình dự báo, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước tỉnh Long An”. Đặc biệt, trong năm 2022 khoa đã thực hiện 4 đề tài cơ sở, đã công bố 49 bài báo khoa học, đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, trong đó có 16 tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus. Ngoài ra, các giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng còn là tác giả chính của 24 bài hội thảo quốc tế có công bố.

Cũng trong năm 2022, Khoa Tài chính - Ngân hàng đã tổ chức thành công 01 hội thảo khoa học cấp trường với chủ đề “Cơ hội và thách thức của ngành Tài chính - Ngân hàng trong bối cảnh đại dịch Covid-19” vào ngày 04/11/2022 do Bộ môn Tài chính tiền tệ chủ trì tổ chức và 01 hội thảo cấp Khoa với chủ đề “Đổi mới chương trình đào tạo

ngành tài chính ngân hàng theo định hướng ứng dụng” vào ngày 06/05/2022 do Bộ môn TCDN chủ trì tổ chức. Ngoài ra, Khoa Tài chính – Ngân hàng đã phối hợp với sở Khoa học Công nghệ tỉnh Long An tổ chức thành công 3 Hội thảo từ kinh phí đề tài tỉnh Long An do Khoa Tài chính – Ngân hàng chủ trì thực hiện:

+ Chủ đề: “Hệ thống các cơ sở lý luận và thực tiễn về thu – chi NSNN; vai trò của cơ cấu thu – chi NSNN trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; bài học kinh nghiệm tại một số quốc gia và một số tỉnh tại Việt Nam, và từ đó rút ra bài học cho tỉnh Long An” vào ngày 20/10/2022 tại Sở Tài chính tỉnh Long An.

+ Chủ đề: “Phân tích thực trạng, xác định các nhân tố tác động, dự báo quy mô và cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Long An giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030” vào ngày 20/10/2022 tại Sở Tài chính tỉnh Long An.

+ Chủ đề: “Đề xuất định mức và giải pháp cơ cấu lại thu-chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Long An giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030” vào ngày 31/10/2022 tại Trung tâm phục vụ hội nghị Long An.

Ngoài ra, nhằm củng cố năng lực nghiên cứu cho các giảng viên, Khoa Tài chính - Ngân hàng đã tổ chức hai buổi tọa đàm chia sẻ định hướng nghiên cứu và công cụ nghiên cứu dành cho giảng viên với Chủ đề: “Chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu và định hướng nghiên cứu” vào sáng thứ 6 ngày 12/8/2022 tại TP. Vũng Tàu; và Chủ đề: Chia sẻ công cụ nghiên cứu” vào tháng 12/2022. Các buổi tọa đàm đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực của những giảng viên tham gia. Khoa Tài chính - Ngân hàng đã thành lập 2 nhóm Nghiên cứu mạnh do giảng viên khoa làm chủ nhiệm nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên Khoa Tài chính – Ngân hàng.

* Công tác biên soạn và phát hành giáo trình

Bảng 1.12: Số lượng giáo trình của CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng

STT	Năm	Số giáo trình nghiệm thu	Số lượng tác giả tham gia
1	2017	1	4
2	2018	3	17
3	2019	3	30
4	2020	3	20
5	2021	1	6
6	2022	3	13

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Bảng 1.13: Giáo trình đã được nghiệm thu năm 2022

Bộ môn	Kế hoạch của năm 2022		Thực hiện
	Tên học phần	Chủ biên	
BH	Tài chính công ty bảo hiểm	PGS.TS. Hồ Thủy Tiên	Đã nghiệm thu
NH	Thị trường chứng khoán phái sinh	PGS. TS Trần Huy Hoàng	Đã nghiệm thu
NH	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	TS. Lê Thị Thúy Hằng	Đã nghiệm thu

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Việc biên soạn giáo trình có ý nghĩa quan trọng trong công tác giảng dạy giúp cho giảng viên hệ thống chương trình giảng dạy của một môn học, là tài liệu học tập hoặc giảng dạy được thiết kế và biên soạn dựa trên cơ sở chương trình môn học đảm bảo tính hệ thống, tính ứng dụng, tính cơ bản, tính chính xác và tính cập nhật về nội dung khoa học của môn học. Do đó, những năm qua hoạt động biên soạn giáo trình không những được nhà trường mà Ban lãnh đạo khoa và giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng quan tâm.

Hoạt động viết giáo trình tại Khoa Tài chính - Ngân hàng ngày càng được đẩy mạnh, số lượng giáo trình nghiệm thu và số lượt giảng viên tham gia biên soạn ngày càng nhiều.

b) Hoạt động Nghiên cứu khoa học của sinh viên

Bên cạnh hoạt động NCKH của giảng viên, sinh viên của Khoa cũng rất tích cực tham gia NCKH số lượng đề tài, SV đăng ký tham gia NCKH SV ngày càng tăng và đạt thành tích cao trong các cuộc thi NCKH SV các cấp.

Hàng năm Khoa Tài chính - Ngân hàng luôn tổ chức chuỗi các khóa học nghiên cứu khoa học sinh viên bao gồm 01 Khóa nghiên cứu khoa học cơ bản và 01 Khóa nghiên cứu khoa học nâng cao, với thời lượng 04 buổi/khóa, huy động được hơn 400 sinh viên tham gia/khóa học.

Bên cạnh đó, Khoa Tài chính - Ngân hàng thường xuyên tổ chức Hội thảo, talk show, workshop... với các chủ đề phong phú và đa dạng như “Blockchain and Crypto finance”, “Financial Analysis Techniques – Kỹ thuật phân tích tài chính”...

Những hoạt động trên nhằm thúc đẩy và tạo động lực cho sinh viên tham gia NCKH, phát huy năng lực tư duy sáng tạo, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn. Phát hiện và tuyển chọn những sinh viên

có tiềm năng NCKH để bồi dưỡng và đề cử tham gia các cuộc thi sinh viên NCKH cấp Thành và cấp Bộ.

Kết quả đạt được một số thành tích sau:

* Về số lượng đề tài sinh viên NCKH của sinh viên

**Bảng 1.14: Số lượng đề tài sinh viên NCKH của sinh viên
Khoa Tài chính - Ngân hàng**

STT	Năm	Số đề tài	Số sinh viên tham gia	Số giảng viên hướng dẫn
1	2018	11	47	11
2	2019	17	77	18
3	2020	18	69	18
4	2021	41	177	41
5	2022	62	267	36

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Giai đoạn 2017 – 2022, số lượng đề tài cũng như số lượng sinh viên tham gia NCKH ngày càng tăng. Trong 6 năm qua sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng đã thực hiện 160 đề tài NCKH, số lượng sinh viên tham gia là 682 sinh viên và huy động được sự hỗ trợ của 138 lượt giảng viên tham gia. Các đề tài nghiên cứu đã được sinh viên thực hiện hoàn tất sau 01 năm nghiên cứu và được tổ chức nghiệm thu tại đơn vị.

Cùng với sự tăng về số lượng đề tài hoàn thành thì Khoa Tài chính - Ngân hàng cũng rất quan tâm đến chất lượng khoa học của sinh viên, trong đó nhấn mạnh đến khả năng tư duy và phương pháp nghiên cứu. Nhiều đề tài có tính mới, tính sáng tạo và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống, thực tiễn giảng dạy đã được thực hiện bài bản và có hiệu quả. Ngoài những đề tài thuộc lĩnh vực cơ bản, nhiều báo cáo của sinh viên đã quan tâm đến những vấn đề thực tiễn tại TP. HCM và các tỉnh thành trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các địa bàn Tây Nguyên, Nam bộ, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long... Do đó, số lượng đề tài đạt giải cao, phù hợp với tiêu chí giải thưởng các cấp đã được Hội đồng xét chọn của trường gửi dự thi giải thưởng SV NCKH cấp Bộ, cấp Đại học Quốc gia Tp.HCM và giải EUREKA liên tỉnh thành do Thành Đoàn tổ chức.

Đề tài NCKH SV đạt giải cao trong NCKH có xu hướng cải thiện, năm 2021 NCKH của sinh viên đạt 01 giải thưởng cấp Bộ, 01 giải “Olympic kinh tế lượng và ứng dụng toàn quốc”, 03 giải NCKH SV cấp trường.

Bảng 1.15: Số lượng đề tài sinh viên NCKH đạt kết quả cao của sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng

Năm	Số đề tài NCKH SV đạt giải cấp Bộ/tương đương		Số đề tài NCKH SV đạt giải cấp thành	Số đề tài NCKH SV đạt giải cấp trường				Tổng cộng
	Ba	Khuyến khích	Nhì	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích	
2017					1	3		4
2018	1			1		1		3
2019			1				1	2
2021		2			1	2		5
2022					4	2		6

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 – 2021, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tập thể giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng luôn thực hiện các đề tài với các nội dung NCKH bám sát với định hướng phát triển của nhà trường đó là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý của Việt Nam và khu vực ASEAN đảm bảo giải quyết các vấn đề KHCN cho ngành tài chính cũng như cho cộng đồng doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2017 – 2022, tập thể giảng viên luôn tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học với hơn 30 đề tài NCKH cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở được nghiệm thu đạt kết quả tốt, hơn 60 bài bài nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí có uy tín thuộc danh mục ISI, Scopus, gần 200 bài NCKH đăng trên hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học trong nước, 14 giáo trình đã được nghiệm thu và hơn 200 bài hội thảo cấp quốc gia/cấp tỉnh, hội thảo cấp trường và hội thảo cấp khoa. Đồng thời, tập thể Khoa Tài chính - Ngân hàng còn có kinh nghiệm, chuyên môn trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học cấp khoa, hội thảo khoa học cấp trường được các đối tác, nhà trường tin tưởng và đánh giá cao. Từ đó, có thể thấy tập thể giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng có đầy đủ kinh nghiệm, chuyên môn đáp ứng các điều kiện mở ngành và giảng dạy Fintech.

PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

2.1 Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

2.1.1 Nhu cầu của nhà nước, xã hội về nguồn nhân lực được đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cùng với việc gia tăng nhanh chóng về số lượng doanh nghiệp và các định chế tài chính ở Việt Nam thì nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực am hiểu về công nghệ trong lĩnh vực tài chính ngày càng trở nên cần thiết. Vai trò của nguồn nhân lực am hiểu công nghệ tài chính (Fintech) có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại, phát triển của các công ty Fintech và định chế tài chính. Điều này xuất phát vì những lý do sau:

(a) *Fintech là một trong những nội dung cơ bản của lộ trình chuyển đổi số.* Với vai trò là “huyết mạch” của nền kinh tế, việc ứng dụng công nghệ mới và sáng tạo trong lĩnh vực tài chính có thể tạo động lực phát triển các lĩnh vực khác, hướng tới phát triển nền kinh tế số tại nước ta. Bên cạnh đó, việc phát triển Fintech còn là nền tảng giúp Việt Nam có thể thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cũng như phù hợp với lộ trình chuyển đổi số ngành Tài chính. Điều này đã được nêu trong một số văn bản như: Chỉ thị số 16/CT-TTG ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Nghị quyết số 02-NQ/BCSD ngày 09/3/2018 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính về việc triển khai ứng dụng công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực tài chính - ngân sách; Quyết định số 446/QĐ-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/BCSD ngày 09/3/2018 về triển khai ứng dụng công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực tài chính - ngân sách; Quyết định số 843/QĐ-BTC phê duyệt Kế hoạch của Bộ Tài chính triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 21/5/2020 về kế hoạch hành động của Bộ Tài chính triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 – 2020, định hướng 2025; Quyết định số 1874/QĐ-BTC ngày 27/11/2020 về việc ban hành kế hoạch hành động của Bộ Tài chính triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg của Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.

(b) *Fintech mang lại nhiều lợi ích cho cơ quan quản lý, công ty Fintech, định chế*

tài chính và khách hàng. Fintech thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện hơn thông qua việc cung cấp các dịch vụ tài chính với chi phí thấp, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đặc biệt là nâng cao hiệu quả quản lý đối với các cơ quan quản lý. Với lợi ích như vậy, số lượng các công ty Fintech tại Việt Nam đã gia tăng gấp gần 4 lần trong những năm gần đây. Cụ thể, Việt Nam có khoảng 40 công ty Fintech tại thời điểm cuối năm 2016, số lượng này đã tăng lên trên 150 công ty vào thời điểm cuối năm 2021 (Đỗ Quang Trị, 2022; Nguyễn Thị Ngọc Loan, 2022). Bên cạnh đó, các định chế tài chính ở Việt Nam cũng đang tích cực ứng dụng Fintech nhằm thay đổi kênh phân phối, cũng như các sản phẩm, dịch vụ tài chính truyền thống. Cụ thể, khoảng 95% tổ chức tín dụng tại Việt Nam đã có, đang xây dựng hoặc dự tính sẽ xây dựng chiến lược chuyển đổi số (Đỗ Quang Trị, 2022). Diễn đàn Kinh tế thế giới (2020) còn đưa ra nhận định rằng sẽ có khoảng 65% công việc mới xuất hiện trong tương lai liên quan đến những ngành nghề sản sinh từ cách mạng công nghiệp 4.0 và Fintech. Do vậy, nhu cầu nguồn nhân lực ngành Fintech là rất lớn.

(c) *Kết quả của đề án “Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính - mã ngành 7340205” cho thấy nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành Fintech là rất cao, kết quả này được thể hiện ở cả 2 nhóm đối tượng được khảo sát là đơn vị sử dụng lao động và người học tiềm năng.*

Để làm rõ nhu cầu về nhân lực trình độ đại học ngành Fintech, nhóm tác giả tiến hành thực hiện khảo sát 25 đơn vị sử dụng lao động và 640 người học tiềm năng⁴.

Bảng 2.1: Đối tượng tham gia khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Số lượng
1	Đơn vị sử dụng lao động (ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm,...)	25
2	Người học tiềm năng (cựu sinh viên: 212 người; sinh viên đang học ngành khác: 428 người)	640
Tổng		665

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

⁴ Xem thêm tại Phụ lục 2.1: Phiếu khảo sát nhu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Fintech.

- Kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động⁵:

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 25 đơn vị sử dụng lao động (với 12 câu hỏi, bao gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi mở) về nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động, về yêu cầu kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Fintech. Thông tin về đơn vị sử dụng lao động tham gia trả lời khảo sát được trình bày trong Bảng 2.2 dưới đây:

Bảng 2.2: Thông tin của đơn vị sử dụng lao động

STT	Khu vực làm việc của người được khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng	4	16%
2	Công ty chứng khoán	2	8%
3	Công ty bảo hiểm	5	20%
4	Khác	14	56%
Tổng		25	100%
STT	Chức vụ, vị trí công tác của người được khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trưởng, phó phòng và tương đương trở lên	13	52%
2	Khác	12	48%
Tổng		25	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Bảng 2.2 cho thấy, trong số các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát, ngân hàng chiếm 16%, công ty chứng khoán chiếm 8%, công ty bảo hiểm chiếm 20%, các đối tượng khác (chủ yếu là các công ty về công nghệ, công ty sản xuất kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước) chiếm 56%.

Bảng 2.3: Quy mô lao động của đơn vị sử dụng lao động

Quy mô lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhỏ hơn 50	11	44%
50 - 100	3	12%

⁵ Xem thêm tại Phụ lục 2.2: Kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về nhu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Fintech.

Quy mô lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
101 - 200	2	8%
Trên 200	9	36%
Tổng	25	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Về quy mô lao động của đơn vị khảo sát, Bảng 2.3 cho thấy có 44% đơn vị sử dụng lao động có quy mô dưới 50 lao động, 12% có quy mô từ 50 đến 100 lao động, 8% có quy mô từ 101 đến 200 lao động và 36% có quy mô trên 200 lao động.

Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Fintech của đơn vị sử dụng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.4: Nhu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính của đơn vị sử dụng lao động

Nhu cầu nhân lực	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có nhu cầu ngay	14	56%
Có nhu cầu trong thời gian tới	7	28%
Đang cân nhắc	3	12%
Không có nhu cầu	1	4%
Tổng	25	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Bảng 2.4 cho thấy, có 14/25 ý kiến khảo sát trả lời là có nhu cầu ngay về nhân lực trình độ đại học ngành Fintech, chiếm tỷ lệ 56%; có 7/25 ý kiến khảo sát trả lời là có nhu cầu trong thời gian tới, chiếm tỷ lệ 28%; trong khi đó chỉ có 3/25 ý kiến khảo sát trả lời là đang cân nhắc (chiếm tỷ lệ 12%) và 1/25 ý kiến khảo sát trả lời là không có nhu cầu (chiếm tỷ lệ 4%). Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các đơn vị được khảo sát đều đang cần nhân lực trình độ đại học ngành Fintech.

Bảng 2.5: Tỷ lệ tuyển dụng trung bình hàng năm đối với nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính so với tổng chỉ tiêu tuyển dụng

Tỷ lệ tuyển dụng trung bình hàng năm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhỏ hơn 20%	10	40%
Từ 20% đến 50%	14	56%
Trên 50%	1	4%
Tổng	25	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Về tỷ lệ tuyển dụng trung bình hàng năm, đa số các đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát có nhu cầu tuyển dụng nhân lực trình độ đại học ngành Fintech chiếm khoảng từ 20% đến 50% so với tổng chỉ tiêu tuyển dụng (Bảng 2.5). Trong đó, các đơn vị sử dụng lao động thường yêu cầu nhân lực trình độ đại học ngành Fintech phải có kiến thức về tài chính và công nghệ, đồng thời cần có kỹ năng tốt và tinh thần trách nhiệm với công việc.

Bảng 2.6: Đánh giá về chất lượng nguồn nhân lực ngành Công nghệ tài chính

Mức độ đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không tốt	0	0%
Không tốt	0	0%
Bình thường	19	76%
Tốt	6	24%
Rất tốt	0	0%
Tổng	25	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Ngoài ý kiến nhận định về nhu cầu nhân lực rất cao đối với ngành Fintech, hầu hết các đơn vị sử dụng lao động còn cho rằng chất lượng nguồn nhân lực ngành Fintech tại Việt Nam hiện ở mức “bình thường”, điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực ngành Fintech còn khá hạn chế (Bảng 2.6). Một số hạn chế có thể kể đến như: chất lượng đào tạo chưa sát với thực tế, kiến thức và kỹ năng còn nhiều hạn chế.

Các đơn vị sử dụng lao động cho biết thêm về việc sẵn sàng tuyển dụng sinh viên đại học ngành Fintech của Trường Đại học Tài chính - Marketing sau khi tốt nghiệp, kết quả như sau:

Bảng 2.7: Việc sẵn sàng tuyển dụng sinh viên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing

Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sẵn sàng tuyển dụng	19	76%
Không sẵn sàng tuyển dụng	0	0%
Không ý kiến	6	24%
Tổng	25	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Như vậy, có khoảng 76% đơn vị sử dụng lao động sẵn sàng tuyển dụng sinh viên đại học ngành Fintech sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Theo đánh giá của nhóm tác giả, điều này là có cơ sở vì nguồn cung lao động ngành này được đào tạo một cách bài bản tại Việt Nam hiện chưa nhiều.

- Kết quả khảo sát nhu cầu của người học tiềm năng:

Nhóm tác giả thu thập ý kiến của 640 người học tiềm năng, đó là những người đang đi làm (chủ yếu là cựu sinh viên) và sinh viên đang học ngành khác. Thông tin chi tiết về đối tượng trả lời khảo sát được trình bày trong Bảng 2.8 dưới đây:

Bảng 2.8: Thông tin về người học tiềm năng

STT	Thông tin về người học tiềm năng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sinh viên đang học ngành khác	428	66,9%
2	Người đang đi làm (chủ yếu là cựu sinh viên)	212	33,1%
	Tổng	640	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

+ Kết quả khảo sát nhu cầu của sinh viên đang học ngành khác⁶:

Bảng 2.9: Nhu cầu chuyển qua học trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

Nhu cầu đăng ký học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có nhu cầu	184	43%
Không có nhu cầu	244	57%
Tổng	428	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Khi được hỏi là “Nếu có cơ hội chuyển qua học ngành Công nghệ tài chính thì Anh/Chị có chuyển qua học hay không?”, có 43% sinh viên trả lời có nhu cầu chuyển qua học ngành này (Bảng 2.9).

Kết quả khảo sát lý do sinh viên muốn chuyển qua học ngành Fintech cũng rất hợp lý, được thể hiện trong Bảng 2.10:

Bảng 2.10: Lý do muốn chuyển qua học ngành Công nghệ tài chính

Lý do đăng ký học	Tỷ lệ (%)
Dễ xin việc	54,7%
Phù hợp với bản thân	32,0%
Khác	13,3%
Tổng	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Trong số những sinh viên có nhu cầu chuyển qua học ngành Fintech, 54,7% ý kiến cho rằng muốn chuyển qua học ngành này vì dễ xin việc, kế tiếp là 32% ý kiến cho rằng ngành này phù hợp với bản thân (Bảng 2.10).

Bảng 2.11: Lý do không muốn chuyển qua học ngành Công nghệ tài chính

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ (%)
Sợ khó xin việc	9,4%

⁶ Xem thêm tại Phụ lục 2.3: Kết quả khảo sát sinh viên (đang học ngành khác) về nhu cầu học trình độ đại học ngành Fintech.

Không phù hợp với bản thân	74,2%
Khác	16,4%
Tổng	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Trong số những sinh viên không có nhu cầu chuyển qua học ngành Fintech, có tới 74,2% ý kiến cho rằng không muốn chuyển qua học ngành này vì không phù hợp với bản thân, ngoài ra còn một số ý kiến cho rằng sợ khó xin việc (Bảng 2.11).

+ *Kết quả khảo sát nhu cầu của cựu sinh viên⁷:*

Bảng 2.12: Thông tin của cựu sinh viên

STT	Khu vực làm việc của người được khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng	86	40,6%
2	Công ty chứng khoán	9	4,2%
3	Công ty bảo hiểm	15	7,1%
4	Khác	102	48,1%
Tổng		212	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Kết quả khảo sát nhu cầu học đại học ngành Fintech của cựu sinh viên được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.13: Nhu cầu đăng ký học trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

Nhu cầu đăng ký học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có nhu cầu ngay	57	26,9%
Có nhu cầu trong thời gian tới	86	40,6%
Đang cân nhắc	42	19,8%
Không có nhu cầu	27	12,7%
Tổng	212	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

⁷ Xem thêm tại Phụ lục 2.4: Kết quả khảo sát cựu sinh viên về nhu cầu học trình độ đại học ngành Fintech.

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.13 cho thấy, có 86/212 ý kiến khảo sát trả lời là có nhu cầu trong thời gian tới, chiếm tỷ lệ 40,6%; có 57/212 ý kiến khảo sát trả lời là có nhu cầu ngay, chiếm tỷ lệ 26,9%; có 42/212 ý kiến khảo sát trả lời là đang cân nhắc (chiếm tỷ lệ 19,8%); trong khi đó chỉ có 27/212 ý kiến khảo sát trả lời là không có nhu cầu đào tạo (chiếm tỷ lệ 12,7%).

Kết quả khảo sát lý do cựu sinh viên muốn học ngành Fintech được thể hiện trong Bảng 2.14:

Bảng 2.14: Lý do học ngành Công nghệ tài chính

Lý do đăng ký học	Tỷ lệ (%)
Dễ xin việc	18,5%
Đáp ứng vị trí công việc	32,0%
Nâng cao trình độ chuyên môn	17,5%
Thăng tiến trong công việc	22,5%
Khác	9,5%
Tổng	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Bảng 2.14 cho thấy, trong số những cựu sinh viên có nhu cầu học ngành Fintech, 32% ý kiến cho rằng lý do đăng ký học ngành Fintech để đáp ứng vị trí công việc, 22,5% ý kiến cho rằng lý do đăng ký học để thăng tiến trong công việc, ngoài ra một số ý kiến khác cho rằng đăng ký học để dễ xin việc và nâng cao trình độ chuyên môn.

Bảng 2.15: Lý do không muốn học ngành Công nghệ tài chính

Nội dung khảo sát	Tỷ lệ (%)
Không có thời gian	53,6%
Không cần thiết cho công việc	28,6%
Sợ khó xin việc	10,7%
Khác	7,1%
Tổng	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Trong số những cựu sinh viên không có nhu cầu học ngành Fintech, có tới 53,6% ý

kiến cho rằng không muốn học ngành này vì không có thời gian, ngoài ra còn một số ý kiến cho rằng không cần thiết cho công việc và sợ khó xin việc (Bảng 2.15).

Khi được hỏi là “trong thời gian tới, nếu Trường Đại học Tài chính – Marketing đào tạo ngành Công nghệ tài chính thì Anh/Chị có nguyện vọng đăng ký học không?”, có 72,2% người được khảo sát trả lời là có nhu cầu đăng ký học ngành này (Bảng 2.16).

Bảng 2.16 Nhu cầu đăng ký học trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

Nhu cầu đăng ký học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có đăng ký học	153	72,2%
Không đăng ký học	14	6,6%
Không ý kiến	45	21,2%
Tổng	212	100%

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả.

Như vậy, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành Fintech là rất cao, điều này được thể hiện ở cả 2 nhóm đối tượng được khảo sát là đơn vị sử dụng lao động và người học tiềm năng. Đặc biệt, có khoảng 76% đơn vị sử dụng lao động được khảo sát cho rằng sẵn sàng tuyển dụng sinh viên viên đại học ngành Fintech sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Đối với người học tiềm năng, có 43% sinh viên đang học ngành khác có nhu cầu chuyển qua học ngành Fintech và 72,2% cựu sinh viên (đã học ngành khác) có nhu cầu muốn đăng ký học ngành Fintech. Điều này cho thấy, việc mở ngành đào tạo đại học Fintech tại Trường Đại học Tài chính - Marketing là rất cần thiết và phù hợp với nhu cầu đào tạo của xã hội.

2.1.2 So sánh chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học

**Bảng 2.17 Chỉ tiêu tuyển sinh đại học ngành Công nghệ tài chính
của một số trường đại học**

Số TT	Tên trường	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022	Năm bắt đầu đào tạo	Ghi chú
1	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM	Công nghệ tài chính (Mã ngành: 7340208_414, 7340208_414C)	40	2021	Khu vực miền Nam
2	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	Công nghệ tài chính (Mã ngành: 7340205)	-	2022	Khu vực miền Nam
3	Trường Đại học Hoa Sen	Công nghệ tài chính (Mã ngành: 7340205)	-	2022	Khu vực miền Nam
4	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Công nghệ tài chính (Mã ngành: 7340201)	55	2018	Liên kết với Trường Đại học Á Châu (Asia University - Đài Loan Khu vực miền Bắc
5	Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số (Mã ngành: 7480209QTD)	70	2022	Chương trình cử nhân kết hợp thạc sĩ: 4 năm cho chương trình cử nhân và thêm 1 năm cho chương trình thạc sĩ kết hợp Khu vực miền Bắc
6	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Công nghệ tài chính (Mã ngành: 7340205)	110	2021	Khu vực miền Bắc
7	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Công nghệ tài chính (Mã ngành: 7340205)	50	2022	Khu vực miền Trung

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

Bảng 2.17 cho thấy, tại Việt Nam, số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo trình độ đại học ngành Fintech chưa nhiều. Hầu hết các trường bắt đầu đào tạo ngành này trong giai đoạn gần đây (2021-2022), với chỉ tiêu tuyển sinh còn rất hạn chế. So với nhu cầu nhân lực của xã hội, có thể thấy rằng nguồn cung nhân lực trình độ đại học ngành Fintech còn rất khiêm tốn. Đến năm 2022, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bổ sung mã ngành Công nghệ tài chính là 7340205, có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022. Những điều này cung cấp thêm luận cứ khoa học, đồng thời là minh chứng về sự cần thiết cho việc mở ngành đào tạo trình độ đại học Fintech tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

2.2 Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ đại học Công nghệ tài chính

2.2.1 Xuất phát từ bối cảnh thực tiễn

Với mục tiêu góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế của đất nước và khu vực phía Nam. Việc phát triển và mở thêm các ngành mới trình độ đại học là phù hợp với xu hướng phát triển và nhu cầu của xã hội, đặc biệt là phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và toàn cầu hoá. Bên cạnh đó, thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Theo dự báo của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh (2022), nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo 6 tháng cuối năm 2022 là 86,58% tổng nhu cầu nhân lực. Trong đó, nhu cầu nhân lực trình độ đại học trở lên chiếm 21,84%, nhu cầu này có xu hướng ngày càng tăng qua các năm nhằm đáp ứng cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Điều này cho thấy, nhu cầu nhân lực qua đào tạo, đặc biệt là nhu cầu về nhân lực có chất lượng cao tại thành phố Hồ Chí Minh luôn chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng ngày càng gia tăng.

Khu vực tài chính đã sử dụng công nghệ số từ rất sớm thông qua việc số hóa các dịch vụ tài chính, thường được gọi là “công nghệ tài chính” (financial technology, viết tắt là Fintech). Trong nhiều thập kỷ qua, khu vực tài chính đã đầu tư mạnh vào công nghệ nhằm đổi mới và tạo ra nhiều sản phẩm tài chính, góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, khu vực tài chính đã và đang có những chiến lược tái cấu trúc về mặt số hóa hệ thống, từ việc vận dụng nền tảng số vào các giao dịch và quản lý. Các đổi mới, sáng tạo tài chính trên nền tảng công nghệ đã tạo ra các mô hình kinh doanh mới, các công nghệ quản lý mới và các sản phẩm tài chính mới. Nhờ áp dụng công nghệ tiên tiến, các dịch vụ tài chính trở nên linh hoạt, tiện lợi và phù hợp hơn cho các công ty và cá nhân trong các lĩnh vực như ngân hàng, cho vay, thanh toán, huy động vốn từ cộng đồng và đầu tư. Fintech còn bao gồm những khía cạnh phổ biến trong

cuộc sống như blockchain, big data (dữ liệu lớn) hay đồng tiền ảo bitcoin.

Diễn đàn Kinh tế thế giới (2020) đã đưa ra nhận định rằng sẽ có khoảng 65% công việc mới xuất hiện trong tương lai liên quan đến những ngành nghề sản sinh từ cách mạng công nghiệp 4.0 và Fintech. Ngoại trừ thể chế và con người thì công nghệ là yếu tố không thể thiếu để thành công. Chính vì thế, chúng ta cần đào tạo một đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đồng thời nắm bắt và làm chủ được công nghệ. Tuy nhiên, các chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng thường không hiểu rõ về công nghệ thông tin, và ngược lại, các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin thì không hiểu rõ nghiệp vụ Tài chính - Ngân hàng. Do vậy, việc mở ngành đào tạo Fintech trình độ đại học là rất cần thiết và phù hợp với bối cảnh thực tiễn hiện nay.

2.2.2 Xuất phát từ nhu cầu đào tạo của ngành

Hiện nay, các tổ chức tài chính, đặc biệt là các ngân hàng đang đầu tư nhiều nguồn lực cho ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ học máy (machine learning). Đây là các lĩnh vực mà nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu về Fintech có thể đáp ứng được. Bên cạnh đó, các chuyên gia cho biết Fintech hiện cũng được ứng dụng nhiều trong các lĩnh vực khác như bảo hiểm, tái bảo hiểm, đánh giá rủi ro,... nên nhu cầu nhân lực ngành Fintech ngày càng lớn. Chính vì lượng khách hàng đang có xu hướng hiện đại hóa và sử dụng công nghệ nhiều hơn, nên các ứng dụng công nghệ Fintech cũng ngày càng được nâng cấp và cho ra đời những ứng dụng với chức năng mở rộng, hiện đại hơn... thế chỗ cho hầu hết các phương thức vận hành lỗi thời của các dịch vụ tài chính đã tồn tại từ rất lâu tại các định chế tài chính. Vì vậy, việc đào tạo trình độ đại học ngành Fintech là vô cùng cần thiết để đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, có đầy đủ kiến thức về công nghệ và nghiệp vụ tài chính.

Fintech tuy là một thị trường còn mới mẻ và non nớt ở Việt Nam, nhưng sức ảnh hưởng của thị trường này khá lớn. Thậm chí, nó còn làm thay đổi cả hành vi của người sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực tài chính. Tại Việt Nam, số lượng các công ty Fintech đã gia tăng mạnh mẽ trong thời gian qua. Cụ thể, vào cuối năm 2016, Việt Nam có khoảng 40 công ty Fintech, số lượng này đã tăng gần bốn lần lên 150 công ty vào thời điểm cuối năm 2021 (Đỗ Quang Trị, 2022; Nguyễn Thị Ngọc Loan, 2022). Theo ý kiến của các chuyên gia, để phát triển mạnh Fintech thì rất cần vốn đầu tư, từ công nghệ, thị trường cho đến nhân lực và cả người dùng, vì dù cho có bước phát triển mạnh mẽ, song Fintech vẫn là lĩnh vực mới ở Việt Nam và còn rất non trẻ nếu so sánh với mức độ phát triển trên thế giới.

Có thể thấy rằng, Fintech là lĩnh vực liên quan đến nhiều chuyên ngành sâu, thay

đổi với tốc độ rất nhanh và sẽ còn tiếp tục phát triển sâu rộng trong thời gian tới. Ngành Fintech đang tăng trưởng nhanh chóng theo cấp số nhân. Đây là thời điểm “vàng” để gặt hái nhiều cơ hội nghề nghiệp khi sinh viên theo đuổi ngành học này. Mặc dù vậy, Fintech hiện nay vẫn là một ngành còn khá mới ở Việt Nam. Các trường đại học đào tạo về lĩnh vực tài chính đã bắt đầu đào tạo ngành này nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực, bao gồm: Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM (bắt đầu đào tạo năm 2021); Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (bắt đầu đào tạo năm 2022); Trường Đại học Hoa Sen (bắt đầu đào tạo năm 2022); Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân (bắt đầu đào tạo năm 2018); Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội (bắt đầu đào tạo năm 2022); Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (bắt đầu đào tạo năm 2021); Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng (bắt đầu đào tạo năm 2022). Do vậy, việc mở ngành đào tạo Fintech trình độ đại học là rất cần thiết và phù hợp với nhu cầu của đào tạo của ngành.

2.2.3 Xuất phát từ năng lực của Trường và Khoa

Trường Đại học Tài chính – Marketing thuộc Bộ Tài chính, là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho TP.HCM và các tỉnh lân cận. Đến thời điểm hiện nay, Trường được phép đào tạo ở cả 3 bậc: Tiến sĩ, Thạc sĩ và Đại học với nhiều loại hình đào tạo. Thực tế cho thấy, nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Fintech là rất lớn, trong khi số lượng các trường được phép đào tạo ngành này còn rất ít, với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm rất hạn chế. Điều này đã gây khó khăn rất lớn đối với người học. Việc mở đào tạo trình độ đại học ngành Fintech ở Trường Đại học Tài chính – Marketing sẽ tạo rất nhiều thuận lợi cho người học, bởi vì:

- Trường Đại học Tài chính – Marketing có đầy đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và chuyên gia, cơ sở vật chất, chương trình và kế hoạch đào tạo cần thiết để đào tạo trình độ đại học ngành Fintech;
- Phần lớn cán bộ giảng viên, người cần học đang cư trú trên địa bàn TP.HCM và khu vực lân cận, từ đó thu hút được người cần đào tạo;
- Các dịch vụ khác, các phòng thực hành, thư viện và tài liệu có sẵn, thuận lợi sẽ giúp cho người học có nhiều thời gian nghiên cứu. Thời gian tiếp cận trao đổi với giảng viên cũng là một trong những thế lợi của việc đào tạo đúng ngành tại chỗ.

Việc mở ngành đào tạo trình độ đại học Fintech còn phù hợp với năng lực của các đơn vị chuyên môn thuộc Nhà trường, đặc biệt là năng lực của Khoa Tài chính – Ngân hàng. Ngoài ra, chương trình đào tạo ngành Fintech đòi hỏi các học phần liên quan đến công nghệ, vì vậy đội ngũ giảng viên Khoa Công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ đào tạo bên

cạnh lực lượng giảng viên của Khoa Tài chính – Ngân hàng.

- Năng lực của Khoa Tài chính – Ngân hàng: Tổng số nhân sự của Khoa Tài chính – Ngân hàng là 44 người, bao gồm 42 giảng viên và 2 thư ký khoa. Trong tổng số giảng viên của Khoa, có 2 Phó Giáo sư, 14 Tiến sĩ và 26 Thạc sĩ. Hiện tại, Khoa có 4 bộ môn (bộ môn Tài chính doanh nghiệp, bộ môn Ngân hàng, bộ môn Tài chính – Bảo hiểm và Đầu tư, bộ môn Tài chính – Tiền tệ). Khoa đang thực hiện đào tạo các chương trình đào tạo Cử nhân (Chương trình đào tạo Chuẩn, Chương trình đào tạo Chất lượng cao) và tham gia đào tạo sau đại học ngành Tài chính – Ngân hàng (đào tạo Thạc sĩ từ năm 2011 và đào tạo Tiến sĩ từ năm 2016).

- Năng lực của Khoa Công nghệ thông tin: Tổng số nhân sự của Khoa Công nghệ thông tin là 22 người, bao gồm 21 giảng viên và 1 thư ký khoa. Trong tổng số giảng viên của Khoa, có 3 Tiến sĩ và 18 Thạc sĩ. Hiện tại, Khoa có 3 bộ môn: bộ môn Cơ bản, bộ môn Mạng và truyền thông, bộ môn Cơ sở dữ liệu.

Ngoài ra, việc mở ngành đào tạo Công nghệ tài chính trình độ đại học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính Marketing “Thực chất - Đổi mới sáng tạo - Hội nhập”.

Như vậy, do nhu cầu cấp bách về nguồn nhân lực ngành Fintech có trình độ cao, không chỉ nhằm đáp ứng cho nhu cầu kinh tế, xã hội của khu vực phía Nam và cả nước, mà còn phù hợp với lộ trình chuyển đổi số của ngành Tài chính, tiến tới sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước. Ngoài ra, việc mở ngành đào tạo trình độ đại học Fintech còn được dựa trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh và nguồn lực của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

PHẦN 3: NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

Nhà trường có chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Công nghệ tài chính định hướng ứng dụng đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (xem Phụ lục 1).

3.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đảm bảo mở ngành⁸

3.2.1. *Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu*

3.2.1.1 *Đội ngũ giảng viên ngành phù hợp đảm bảo mở ngành và duy trì ngành*

Hiện nay, Nhà trường có đủ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có ngành phù hợp để đảm bảo điều kiện mở ngành và duy trì ngành Công nghệ tài chính trình độ đại học.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có khả năng đảm nhận các môn học trong chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính, trong đó, Khoa Tài chính – Ngân hàng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc đào tạo.

⁸ Xem phụ lục 3.1 Bảng tiến sĩ và lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu đảm bảo mở ngành trình độ đại học; Phụ lục A về xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo

Bảng 3.1 Danh sách giảng viên cơ hữu, giảng viên hợp đồng 12 tháng đảm bảo mở ngành và giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học Công nghệ tài chính

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Giảng viên cơ hữu								
1	TS. Nguyễn Minh Phúc	Phân tích tài chính doanh nghiệp Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
2	TS. Phạm Đức Huy	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1 Tiền số và công nghệ Blockchain Đạo đức nghề nghiệp trong Fintech Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 1 Năm thứ 2 Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
3	TS. Nguyễn Trần Xuân Linh	Quản trị rủi ro tài chính	Năm thứ 3					x	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu	Năm thứ 3						
		trong tài chính							
		Thực hành nghề nghiệp 1	Năm thứ 3						
		Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3						
4	TS. Bùi Ngọc Toàn	Khóa luận tốt nghiệp	Năm thứ 4					x	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4						
		Đạo đức nghề nghiệp trong Fintech	Năm thứ 2						
		Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu	Năm thứ 3						
		Thực hành nghề nghiệp 1	Năm thứ 3						
5	TS. GVC Nguyễn Quang Minh	Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3					x	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Khóa luận tốt nghiệp	Năm thứ 4						
		Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4						
		Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	Năm thứ 2						
		Quản trị rủi ro tài chính	Năm thứ 3						
6	TS. Lại Văn Nam	Công nghệ bảo hiểm	Năm thứ 3					x	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Thực hành nghề nghiệp 1	Năm thứ 3						
		Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3						
		Khóa luận tốt nghiệp	Năm thứ 4						
		Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4						
7	TS. Nguyễn Tấn Hưng	Triết học Mác – Lê nin	Năm thứ 1					x	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Năm thứ 2						
		Triết học Mác – Lê nin	Năm thứ 1					x	Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Năm thứ 1						

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
8	TS. Đoàn Ngọc Phúc	Kinh tế vi mô 1 Kinh tế vĩ mô 1	Năm thứ 1 Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
9	ThS. Phan Ngọc Yến Xuân	Kinh tế vi mô 1	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
10	ThS. Phạm Thị Thùy Trang	Tiếng Anh tổng quát 1 Tiếng Anh tổng quát 3	Năm thứ 1 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
11	ThS. Chu Quang Phê	Tiếng Anh tổng quát 1 Tiếng Anh tổng quát 3	Năm thứ 1 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
12	TS. Nguyễn Huy Hoàng	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	Năm thứ 1 Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
13	ThS. Nguyễn Văn Phong	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	Năm thứ 1 Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
14	ThS. Bùi Minh Nghĩa	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
15	ThS. Tô Đông Hà	Pháp luật đại cương	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
16	ThS. Phạm Thị Nguyệt Sương	Pháp luật đại cương	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
17	ThS. Hồ Thị Thanh Trúc	Pháp luật đại cương	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
18	ThS. Nguyễn Thị Công Dung	Tiếng Anh tổng quát 2 Tiếng Anh tổng quát 4	Năm thứ 1 Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
19	ThS. Bùi Thị Nhi	Tiếng Anh tổng quát 2 Tiếng Anh tổng quát 4	Năm thứ 1 Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
20	TS. Phạm Thị Ngọc Mai	Quản trị học	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
21	TS. Trần Nhân Phúc	Quản trị học	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
22	ThS. Nguyễn Thị Hào	Kinh tế vĩ mô 1	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
23	ThS. Nguyễn Thị Quý	Kinh tế vĩ mô 1	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
24	ThS. Ngô Vũ Quỳnh Thi	Nguyên lý Marketing	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
25	ThS. Ngô Minh Trang	Nguyên lý Marketing	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
26	TS. Dương Hoàng Ngọc Khuê	Nguyên lý Kế toán	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
27	ThS. Thái Trần Văn Hạnh	Nguyên lý Kế toán	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28	TS. Nguyễn Văn Bồn	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy,

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
29	TS. Trần Thị Thanh Nga	Tiền số và công nghệ Blockchain	Năm thứ 2					hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Thực hành nghề nghiệp 1	Năm thứ 3					
		Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3					
		Khóa luận tốt nghiệp	Năm thứ 4					
		Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4					
		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	Năm thứ 1					Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Tiền số và công nghệ Blockchain	Năm thứ 2	x				
		Thực hành nghề nghiệp 1	Năm thứ 3					
		Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3					
		Khóa luận tốt nghiệp	Năm thứ 4					
Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4							
30	ThS. Thái Thị Ngọc Lý	Tin học ứng dụng	Năm thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
31	ThS. Trần Thanh San	Tin học ứng dụng Cơ sở lập trình	Năm thứ 1 Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
32	TS. Bùi Thanh Tùng	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
33	ThS. GVC Nguyễn Minh Hiền	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
34	TS. Nguyễn Tuấn Duy	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng Kinh tế lượng	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
35	TS. Ngô Thái Hưng	Kinh tế lượng	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
36	TS. Nguyễn Thị Túy	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Năm thứ 2 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
37	ThS. Hoàng Thị Mỹ Nhân	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Năm thứ 2 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
38	ThS. Trần Hạ Long	Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Năm thứ 2 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
39	TS. Trần Thị Kim Oanh	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
		Công nghệ bảo hiểm	Năm thứ 3					
		Thực hành nghề nghiệp 1	Năm thứ 3					
		Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3					
		Khóa luận tốt nghiệp	Năm thứ 4					
Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4							
40	ThS. Vũ Thị Thanh Hương	Cơ sở dữ liệu Cơ sở lập trình	Năm thứ 2 Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
41	TS. Tôn Thất Hòa An	Cơ sở dữ liệu	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
		Phân tích dữ liệu với Python Robotic Precess Automaitc (Tự động hóa quy trình bằng Robot)	Năm thứ 2 Năm thứ 3					
42	ThS. Đình Nguyễn Thúy Nguyệt	Cơ sở dữ liệu	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
43	PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Linh	Tài chính doanh nghiệp 1 Đạo đức nghề nghiệp trong Fintech Công nghệ tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies) Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
44	ThS. Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt	Cơ sở lập trình	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
45	TS. Trương Thành Công	Phân tích dữ liệu với Python Máy học và trí tuệ nhân tạo (Fintech)	Năm thứ 2 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
46	ThS. Lâm Hoàng Trúc Mai	Phân tích dữ liệu với Python	Năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
47	PGS.TS Phan Thị Hằng Nga	Ngân hàng thương mại Ngân hàng số Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
48	ThS. Nguyễn Vũ Thân	Ngân hàng thương mại Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
49	ThS. Phạm Thị Quỳnh Nga	Ngân hàng thương mại Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
50	PGS.TS Hồ Thủy Tiên	Tài chính quốc tế Phân tích tài chính doanh nghiệp Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
51	TS. Hồ Thị Lam	Tài chính quốc tế Quản trị rủi ro tài chính Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
52	ThS. Nguyễn Xuân Bảo Châu	Tài chính quốc tế Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy,

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 4 Năm thứ 4					hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
53	ThS. Hoàng Tôn Uyên	Công nghệ tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies)	Năm thứ 3			x		Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
54	ThS. Đỗ Mạnh Thắng	Công nghệ tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies) Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4			x		Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
55	ThS. Khuru Minh Đạt	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	Năm thứ 3			x		Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
56	ThS. Nguyễn Trần Tú Anh	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	Năm thứ 3			x		Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy
57	ThS. Nguyễn Xuân Dũng	Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech (Innovation & Entrepreneurship in Fintech)	Năm thứ 3			x		Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy,

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4					hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
58	ThS. Nguyễn Bằng Phi	Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
59	TS. Ngô Văn Toàn	Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
60	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phân tích tài chính doanh nghiệp Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
61	TS. Lê Thị Thúy Hằng	Ngân hàng số Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2	Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3			x		Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy,

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ					Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
66	TS. Bùi Hữu Phước	Tài chính doanh nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp	
67	TS. Trần Thị Diễm	Tài chính doanh nghiệp 1 Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech (Innovation & Entrepreneurship in Fintech) Thực hành nghề nghiệp 1 Thực hành nghề nghiệp 2 Khóa luận tốt nghiệp Thực tập cuối khóa	Năm thứ 2 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 3 Năm thứ 4 Năm thứ 4	x				Giảng viên chuyên môn phù chủ trì giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghề nghiệp	

3.3.2 Đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

Theo danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mã ngành 7340205

Tên ngành: Công nghệ tài chính

3.3. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện

Khoa Tài chính – Ngân hàng phối hợp với Khoa Công nghệ thông tin xây dựng đề án theo sự phân công của Ban Giám hiệu.

Chương trình đào tạo này sẽ được thực hiện triển khai kể từ khóa tuyển sinh năm 2023, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Khoa Tài chính – Ngân hàng chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế. Học viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

3.4. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Được nhà trường đầu tư với những trang thiết bị hiện đại, đảm bảo yêu cầu phục vụ giảng dạy và học tập; truy cập Internet với tốc độ cao, phòng học được trang thiết bị máy điều hòa nhiệt độ. Ưu tiên tiếp cận các tài liệu mới nhất của Thư viện trường. Cụ thể:

3.4.1. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu

Phòng lý thuyết và phòng máy thực hành đảm bảo đào tạo Fintech

Bảng 3.2: Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng máy thực hành (306- Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Tân Bình)	10	668	Máy tính	467	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
2	Phòng học máy lạnh (343/4)	4	217	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
3	Phòng học máy lạnh (778NK)	19	1.287	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
4	Phòng thực hành (778NK)	1	86	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
5	Phòng học máy lạnh (CS TNP A)	41	3.492	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
6	Phòng học thường (CS TNP A)	29	2.408	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
7	Phòng thực hành (CS TNP A)	15	2.066	Máy tính	389	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
8	Phòng đa năng (CS TNP A)	1	104	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành

Số TT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
9	Phòng học thường (CS TXS)	2	180	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
10	Phòng Lab tiếng Anh (CS TXS)	3	270	Máy tính	147	Phục vụ các học phần tiếng Anh
11	Phòng thực hành CS TXS)	17	990	Máy tính	172	Phục vụ các học phần thực hành trên máy tính
12	Phòng học máy lạnh (CS TXS)	92	6.757	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
13	Phòng đa năng (CS TXS)	3	129	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
14	Phòng học máy lạnh (CS LT)	36	2.932			
15	Phòng thực hành CS LT)	4	Dự kiến 400			

3.4.2 Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa

Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu.

Các doanh nghiệp kết nối đồng hành với khoa để SV thực tập, thực hành, bổ sung thêm thuê ngoài các phần mềm thực hành như Viet Victory (cơ sở ngoài trường).

Bảng 3.3: Các doanh nghiệp kết nối đồng hành với khoa để sinh viên thực tập, thực hành, bổ sung thêm thuê ngoài các phần mềm thực hành như Viet Victory (cơ sở ngoài trường)

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng thực hành doanh nghiệp	69	Máy tính cài đặt phần mềm Misa 2017	15	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
			Máy tính cài đặt phần mềm KTKK 3.8.2, Intaxviewer.		Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
			Máy in	01	
2	Phòng thực hành nghiệp vụ ngân hàng	69	Máy tính	21	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
3	Phòng thực hành Mô hình doanh nghiệp xuất nhập khẩu	69	Máy tính	21	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
4	Phòng thực hành Mô hình công ty đầu tư tài chính	69	Máy tính	21	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính

3.5. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Thư viện và học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

- Tổng diện tích thư viện: 2.618 m2, trong đó có 1.480 m2 là diện tích phòng đọc.

Thư viện được đặt tại các cơ sở:

- o Cơ sở 1: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận
- o Cơ sở 2: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
- o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức.

Ngoài ra Thư viện còn một cơ sở đang sửa chữa và cải tạo, chưa hoạt động tại 306

Võ Văn Hát, Phòng Long Trường, Thủ Đức với 2.135 m².

- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0

Bảng 3.4: Quy mô thư viện

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	480
3	Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu	67
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.177
4.1	Tài liệu dạng in	
4.1.1	Sách	17.250 tựa/ 54.545 bản
4.1.2	Luận án Tiến sĩ	8
4.1.3	Luận văn Thạc sĩ	2.692
4.1.4	Chuyên đề tốt nghiệp	1.582
4.1.5	Báo - tạp chí	11 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin
4.2	Tài liệu điện tử	
4.2.1	Luận án Tiến sĩ	8
4.2.2	Luận văn Thạc sĩ	2.274
4.2.3	Bài trích Báo – Tạp chí	556
4.2.4	Chuyên đề tốt nghiệp	126
4.2.5	Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học	366
4.2.6	Cơ sở dữ liệu	Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt

STT	Nội dung	Số lượng
		Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...)
		Emerald
		Sage
		IG Publishing
		Springer
		Elsevier
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo

Bảng 3.5: Các tài liệu phục vụ đào tạo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường Đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Triết học Mác – Lenin
2	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học Tài chính – Marketing		2021	Triết học Mác – Lenin
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)		Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Triết học Mác – Lenin
4	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin: Dành cho sinh viên	Nguyễn Viết Thông và cộng sự	Chính trị Quốc gia	2009	Triết học Mác – Lenin Chủ nghĩa xã

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh				hội khoa học
5	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
6	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
7	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường Đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
9	Tài liệu học tập Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường đại học – Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
11	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 1)	Trường Đại học Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học
13	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí	Bộ Giáo dục	Chính trị	2021	Tư tưởng Hồ

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	và Đào tạo	Quốc gia		Chí Minh
14	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ)	Trường Đại học Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
15	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII. XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia		Tư tưởng Hồ Chí Minh
16	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ	Chính trị Quốc gia	2012	Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
18	Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 1 – 15)		Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
19	Hồ Chí Minh – Tiểu sử	Song Thành và cộng sự	Lý luận chính trị	2006	Tư tưởng Hồ Chí Minh
20	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Chính trị Quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Chính trị Quốc gia	2018	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2007	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
23	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
24	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Bộ môn Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ		
25	Giáo trình lí luận nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân		Pháp luật đại cương
26	Giáo trình Pháp luật đại cương	Khoa luật – Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân		Pháp luật đại cương
27	Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2012	Pháp luật đại cương
28	Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam	2014	Pháp luật đại cương
29	Giáo trình Luật tổ tụng dân sự Việt Nam	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2013	Pháp luật đại cương
30	Các văn bản dưới Luật: Hiến pháp 2013 Bộ luật Dân sự 2015 - Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 - Bộ luật Lao động 2019 - Luật Ban hành văn bản QLPL 2015 (được sửa đổi,				Pháp luật đại cương

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	bổ sung năm 2020) - Các văn bản dưới luật có liên quan.				
31	Personal Best – Student's book - B1 ⁺ (A) Intermediate				Tiếng Anh 1
32	Personal Best – Workbook – B1 ⁺ (A) Intermediate				Tiếng Anh 1
33	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 1
34	Personal Best – Student's book – B1 ⁺ (B) Intermediate				Tiếng Anh 2
35	Personal Best – Workbook – B1 ⁺ (B) Intermediate				Tiếng Anh 2
36	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 2
37	Personal Best – Student's book – B2 (A) Intermediate				Tiếng Anh 3
38	Personal Best – Workbook – B2 (A) Intermediate				Tiếng Anh 3
39	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 3
40	Personal Best – Student's book – B2 (B) Intermediate				Tiếng 4
41	Personal Best – Workbook – B2 (B) Intermediate				Tiếng Anh 4
42	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 4
43	Business Result – Intermediate				Tiếng Anh 5
44	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 5
45	Business Result -- Intermediate				Tiếng Anh 6
46	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 6

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
47	Bài giảng Toán cao cấp	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2009	Toán cao cấp
48	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúy	Đại học kinh tế Quốc Dân	2010	Toán cao cấp
49	Toán cao cấp	Trần Minh Thuyết – Trường Đại học Tài chính – Marketing	Tài Chính	2007	Toán cao cấp
50	Fundamental Methods of Mathematical Economics	Alpha C. Chiang	McGraw-Hill		Toán cao cấp
51	Calculus Early Transcendentals, 6e	James Stewart	Thomson Learning	2008	Toán cao cấp
52	Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3	Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	Tin học đại cương
53	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vi mô 1
54	Kinh tế học Vi mô	David Begg,	Thống	2018	Kinh tế vi mô 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch (Nhóm giảng viên Đại Học Kinh tế Quốc dân dịch)	kê		
55	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	Kinh tế TpHCM	2017	Kinh tế vi mô 1
56	Microeconomics	7 th N.Gregory Mankiw	Worth Publishers	2010	Kinh tế vi mô 1
57	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vĩ mô 1
58	Kinh tế học Vĩ mô	Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế học, trường Đại học Kinh tế quốc dân dịch	Thống kê	2018	Kinh tế vĩ mô 1
59	Nguyên lý kế toán	Thiều Thị Tâm, Trần Hồng Vân, Dương Hoàng Ngọc Khuê, Phạm Huỳnh Lan Vi, Lê Quang Mẫn	Lưu hành nội bộ	2018	Nguyên lý kế toán
60	Giáo trình Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán,	Lưu hành nội	2017	Nguyên lý kế toán

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		trường Đại học Tài chính – Marketing	bộ		
61	Bài tập Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2017	Nguyên lý kế toán
62	Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Thống Kê	2017	Nguyên lý kế toán
63	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức (c.b); Lê Thị Khoa Nguyên; Lê Thị Minh Châu; ...và nhiều tác giả	Lao động	2017	Nguyên lý kế toán
64	Luật kế toán		Chính trị quốc gia	2018	Nguyên lý kế toán
65	Nguyên lý Marketing	Tập thể khoa Marketing Trường Đại Học Tài chính – Marketing	Thống kê	2012	Nguyên lý marketing
66	Nguyên lý Marketing	TS. Ngô Thị Thu	Lưu hành nội bộ	2018	Nguyên lý marketing
67	Giáo trình Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
68	Quản trị học	Khoa QTKD, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kinh tế Tp.HCM	2015	Quản trị học
69	Những cốt yếu của quản lý	Harold	Khoa	1998	Quản trị học

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Koontz và cộng sự	học Kỹ thuật Hà Nội		
70	Quản trị học	Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội	Hồng Đức	2012	Quản trị học
71	Bài giảng Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1	Bộ môn Tài chính – tiền tệ, Khoa Tài chính - ngân hàng	Lưu hành nội bộ		Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
72	The Economics of Money, Banking and Financial Markets	Frederic S.Mishkin	Pearson/Addison-Wesley	2013	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
73	Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Lao động	2016	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
74	Nhập Môn Tài chính – Tiền tệ	Sử Đình Thành và Vũ Thị Minh Hằng, Trường Đại học quốc gia Hà Nội	Lao động xã hội	2014	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
75	Essentials of Corporate Financial Management	Glen Arnorld	Pearson	2013	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
76	Public Finance	David Hyman	Cengage learning	2010	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
77	Thị trường tài chính	Jeff Madura	Cengage	2015	Tiền tệ, ngân hàng và thị

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
					trường tài chính 1
78	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	Bộ môn Toán – Thống kê, Trường Đại Học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2013	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
79	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà nội	2006	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
80	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục	1999	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
81	Bài tập xác suất và Thống kê Toán học	Nguyễn Đình Cử, Trương Diêu	Đại học Kinh tế quốc dân	1992	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
82	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	Khoa học Kỹ thuật	1996	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
83	Kinh doanh Ngoại hối	Phạm Quốc Việt	NXB Tài Chính	2016	Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế
84	Ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2019	Ngân hàng thương mại
85	Ngân hàng Trung ương	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2018	Ngân hàng Trung ương
86	Quản trị ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB LDXH	2011	Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
87	Thị trường chứng khoán	Phạm Tiến Đạt	NXB Tài Chính	2021	Thị trường chứng khoán
88	Thẩm định tín dụng	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2020	Thẩm định tín dụng
89	Ngân hàng quốc tế 1	Trần Huy Hoàng Lê Thị Thuý Hằng	NXB Tài Chính	2020	Thanh toán quốc tế qua ngân hàng, Ngân hàng quốc tế
90	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	Lê Thị Thuý Hằng	NXB Tài Chính	2022	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng
91	Thị trường chứng khoán phái sinh	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2022	Thị trường chứng khoán phái sinh
92	Xếp hạng tín dụng	Phan Thị Hằng Nga	NXB Tài Chính	2021	Xếp hạng tín dụng
93	Tin học ứng dụng	Trương Thành Công	Lưu hành nội bộ	2023	Tin học ứng dụng
94	Learning Python	Mark Lutz	O'Reilly Media	2013	Cơ sở lập trình
95	Python Programming for the Absolute Beginner	Michael Dawson	Course Technology		Cơ sở lập trình
96	Cơ sở dữ liệu	Trần Minh Tùng	Lưu hành nội bộ	2018	Cơ sở dữ liệu
97	SQL and Relational Theory	C.J.Date	O'Reilly Media	2015	Cơ sở dữ liệu

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
98	Python for Data Analysis	Wes McKinney	O'Reilly	2022	Phân tích dữ liệu với Python
99	Big Data Technologies and Applications	Borko Furht, Flavio Villanustre	Springer Cham	2016	Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu
100	Data Science and Big Data Analytics: Discovering, Analyzing, Visualizing and Presenting Data	EMC Education Services	Wiley		Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu
101	Introduction to Machine Learning	Ethem Alpaydin	The MIT Press	2020	Máy học và trí tuệ nhân tạo
102	Artificial Intelligence: A Modern Approach	Stuart Russell, Peter Norvig	Pearson	2020	Máy học và trí tuệ nhân tạo
103	The Robotic Process Automation Handbook: A Guide to Implementing RPA Systems	Tom Taulli	Apress	2020	Tự động hóa quy trình bằng robot
104	Computer Ethics and Professional Responsibility	Terrell Ward Bynum, Simon Rogerson	Wileys	2003	Môn đạo đức trong fintech
105	Ethics in Information Technology	George W. Reynolds			Môn đạo đức trong fintech
106	Actuarial mathematics for life contingent risks	Dickson, David CM, Mary R. Hardy, and Howard R. Waters	Cambridge University Press	2019	Công nghệ bảo hiểm
105	FinTech: The Technology Driving Disruption in the Financial Services Industry	Parag Y. Arjunwadkar	Taylor & Francis Group	2018	Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính

3.6. Trang thông tin điện tử của Trường đăng tải thông tin công khai theo quy định

- Trang thông tin điện tử của Trường đăng tải thông tin công khai theo quy định là: ufm.edu.vn

- Trang thông tin điện tử của Khoa đăng tải thông tin công khai theo quy định là: <https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/>

3.7. Các điều kiện tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến, đảm bảo chất lượng theo quy định

Trường có thể tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Nhà trường tổ chức giảng dạy trực tuyến trên phần mềm đã mua bản quyền là Microsoft Team.

3.8. Nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế

3.8.1. Tình hình hoạt động nghiên cứu khoa học Khoa Tài chính – Ngân hàng

Nhà Trường rất quan tâm chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học gắn liền với hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo của Trường. Trường đã ban hành các quy định, quy chế liên quan đến Quy chế quản lý thực hiện đề tài, đề án khoa học của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định về khuyến khích hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh tại Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, xuất bản, phát hành và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định tổ chức Tọa đàm, Hội nghị, Hội thảo khoa học các cấp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Số lượng đề tài, đề án được giao thực hiện và số lượng đề tài, đề án được nghiệm thu tăng lên đáng kể; đặc biệt số lượng đề tài, đề án được nghiệm thu, thanh lý đúng hạn đã tăng lên.

Bảng 3.6: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKh nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	Số 1425/QĐ-BTC, ngày 16/08/2018 Mã số: 2018-15	Bộ Tài chính	Lựa chọn mô hình và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với Kinh tế xã hội	PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh	1626/QĐ-BTC ngày 23/08/2019	27/08/2019	Đạt	TS Phan Thị Hằng Nga; ThS. Hồ Thu Hoài; PGS. TS Hồ Thủy Tiên; TS. Bùi Hữu Phước ThS. Bùi Ngọc Toàn ThS. Trần Xuân Hằng; Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Minh Định	
2	Số 1266/HD-SKHCN tỉnh Khánh Hòa ngày 24/11/2015	Tỉnh	Thực trạng và giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	PGS. TS. Hồ Thủy Tiên	155/QĐ-SKHCN ngày 29/09/2021	Ngày 14/10/2021	Đạt	TS. Trần Thị Kim Oanh; ThS. Lê Hùng Chính; TS. Lê Trung Đạo; TS. Nguyễn Xuân Hiệp; ThS. Phạm Thanh Truyền; CN. Phạm Xuân Hải; TS. Phạm Thị Thanh Xuân; ThS. Hồ Thu Hoài; CN. Nguyễn Đình An	
3	Số: 2183/QĐ-BTC, ngày 12/10/2020 Mã số: BTC/DT/2020-60	Bộ Tài chính	Cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh COVID-19	PGS. TS. Hồ Thủy Tiên	2503/QĐ-BTC ngày 27/12/2021	30/12/2021	Đạt	TS. Trần Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Tấn Hưng; TS. Hoàng Thái Hưng; TS. Lê Đình Hạc; TS. Nguyễn Việt Hồng Anh; ThS. Phạm Thanh Truyền ThS. Vũ Bảo Tú Uyên; Hồ Quốc Công; Nguyễn Bình Minh	
4	Số: 1599/QĐ-BTC ngày 12/10/2020 Mã số: BTC/DT/2020-53	Bộ Tài chính	Tác động của kinh tế ngầm, tỷ lệ đô la hóa, đầu tư trực tiếp	PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh	2062/QĐ-BTC Ngày 26/10/2021	29/10/2021	Đạt	TS. Phan Thị Hằng Nga; TS. Hồ Thị Lam ThS. Bùi Ngọc Toàn ThS. Thái Duy Tùng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKh nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam					ThS. Nguyễn Thị Kim Liên ThS. Đoàn Thị Thu Trang ThS. Nguyễn Thị Thương Đình Song Hà Hoàng Văn Luận	
5	2183/QĐ-BTC, ngày 25/12/2020 Mã số: BTC/ĐT/2020-61	Bộ Tài chính	Luận cứ khoa học về cải cách thuế trên thế giới - Định hướng chính sách thuế Việt Nam 2021-2030	TS. Lê Thị Thúy Hằng	2504/QĐ-BTC ngày 27/12/2021	31/12/2021	Đạt	PGS.TS Trần Huy Hoàng; TS. Lê Trung Đạo; TS. Trần Thị Diễm; TS. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Trần Phạm Trác; ThS. Nguyễn Xuân Dũng; ThS. Nguyễn Vũ Thân; ThS. Phạm Đức Huy; PGS. TS Phan Thị Hằng Nga (Thư ký khoa học)	
6	57-TB/KHCNT ngày 29/12/2020	Tỉnh	Tăng trưởng kinh tế và ô nhiễm môi trường tại VN và các quốc gia châu Á	TS. Hồ Thị Lam	Số 675-QĐ/KHCNT, ngày 25/11/2021	30/11/2021	Đạt, ngày 30/11/2021	PGS.TS. Hồ Thủy Tiên; PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; ThS. Nguyễn Xuân Bao Châu; ThS. Hồ Thu Hoài; CN. Lê Hồng Ngọc; CN. Ngô Thị Mỹ Linh	
7	QĐ 1599/QĐ-BTC ngày 12/10/2020 Mã số: BTC/ĐT/2020-54	Bộ Tài chính	Nghiên cứu xác định quy mô và cơ cấu thu ngân sách nhà nước hợp lý cho giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030	ThS. Nguyễn Thị Hoa	QĐ 2063/QĐ-BTC ngày 26/10/2021	29/10/2021	Xuất sắc	Ths. Trần Thị Hà; TS. Vũ Nhữ Thắng; Ths. Nguyễn Văn Phụng; PGS.TS. Lê Xuân Trường TS. Lê Quang Thuận; Ths. Lê Thị Thanh Hoa; Ths. Nguyễn Văn Duyệt; PGS.TS. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư; TS. Nguyễn Tuấn Duyệt	QĐ 1599/QĐ-BTC ngày 12/10/2020 Mã số: BTC/ĐT/2020-54
8	59-TB/KHCNT ngày 29/12/2020	Tỉnh	Vai trò của quản trị công trong	ThS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Số 09-QĐ/KHCNT, 25/11/2021	30/12/2021	Đạt	PGS.TS. Hồ Thủy Tiên; Ths. Nguyễn Thị Mỹ Linh;	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKh nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			mối quan hệ giữa thâm hụt tài khóa và lạm phát ở các quốc gia					TS. Nguyễn Văn Bồn; TS. Trần Thị Thanh Nga; Ths. Nguyễn Vũ Duy; Ths. Tô Thị Hồng Gấm; Ths. Nguyễn Ngọc Thảo Trang; Ths. Lê Võ Đại Hải; SV. Đặng Phú Hiệp	
9	QD: 2147/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 Mã số: BTC/ĐT/2021-46	Bộ	Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	TS. Trần Thị Kim Oanh	2419/QĐ-BTC ngày 21/11/2022	29/11/2022	Đạt	TS. Nguyễn Việt Hồng Anh; PGS. TS. Hồ Thủy Tiên; TS. Nguyễn Tấn Hưng; TS. Nguyễn Văn Bồn ThS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc; TS. Phạm Thị Hà An; ThS. Nguyễn Văn Điệp	
10	Số: 31/HĐ-SKHCN tỉnh Long An ngày 26/05/2021	Tỉnh	Đánh giá cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020, kéo dài năm 2021, và các nhân tố tác động, đề xuất mô hình dự báo, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước tỉnh Long An	TS. Trần Thị Kim Oanh	Số 31/QĐ-SKHCN ngày 26/05/2022	23/12/2022	Đạt	PGS. TS. Hồ Thủy Tiên; TS. Nguyễn Việt Hồng Anh; TS. Trần Thị Thanh Nga; NCS. Ths. Phạm Thanh Truyền; Ông Phạm Văn Đô; Ths. Nguyễn Bình Minh; Ths. Phạm Hồng Nghi; Ths. Nguyễn Chí Cường; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hà ThS. Nguyễn Ngọc Minh Sang; TS. Nguyễn Quang Minh; CN. Nguyễn Đình An	

Trong thời gian tới, Khoa Tài chính – Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hòa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu theo hướng ứng dụng, tích cực phối hợp với các doanh nghiệp, xác định và giải quyết các vấn đề thực tiễn, đặc biệt là mảng công nghệ tài chính. Phương hướng nay vừa giải quyết các tồn tại của doanh nghiệp, vừa là nguồn tài liệu quan trọng phục vụ quá trình giảng dạy.

Tăng số lượng đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh, và tương đương được đầu thầu và thực hiện thành công; Tăng cường tổ chức các hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia và xuất bản kỷ yếu có chỉ số ISBN; Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu, hướng đến công bố quốc tế; Đẩy mạnh công bố quốc tế tại các tạp chí khoa học uy tín, tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, Scopus.

Bảng 3.7: Hội thảo/Hội nghị quốc tế đã tổ chức trong 5 năm qua

STT	Hội nghị/ Hội thảo/Tọa đàm	Nội dung	Thời gian, địa điểm	Tổ chức/Chuyên gia
1	Hội nghị	Kinh doanh và kinh tế quốc tế năm 2017 -ICBE2017	6-8/07/2017	Hội khoa học Hàn Quốc – KODISA
2	Hội thảo	Chủ đề “Enhancing capacity in publishing your research papers in international journal” (<i>Nâng cao năng lực công bố bài báo quốc tế</i>)	27/09/2019	Trung tâm Nghiên cứu giáo dục đại học thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam Diễn giả: Giáo sư, tiến sĩ Sang-Chul Park, Hàn Quốc, là biên tập của tạp chí <i>Asia Pacific Journal of EU Studies</i>
3	Hội thảo	Sustainable economic development and business management in the context of globalisation (SEDBM) (<i>Phát triển kinh tế và Kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn</i>	25/09/2020	Chủ trì: Học viện tài chính, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Marketing Diễn giả: John Bruce Wells, Deloitte's Chief of Party for the US Agency for International Development (USAID) Vietnam Low Emission Energy Program (V-LEEP)

STT	Hội nghị/ Hội thảo/Tọa đàm	Nội dung	Thời gian, địa điểm	Tổ chức/Chuyên gia
		<i>cầu hóa</i> (lần thứ 3)		
4	Hội thảo	Finance – Accounting for promoting Sustainable Development in Private Sector (<i>Tài chính - kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững</i>) (FASPS-2)	10/12/2020	Học viện tài chính, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Marketing Diễn giả: Professor Jacqueline Birt: Chủ tịch Hiệp hội Tài chính Kế toán Australia và New Zealand, trưởng khoa Tài chính Kế toán Đại học Tây Úc
5	Hội thảo	Business based on digital platform (BDP2021) (<i>Kinh doanh trên nền tảng công nghệ số</i>)	05/11/2021	Chủ trì Trường Đại học Tài chính – Marketing, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM Diễn giả: - Giáo sư Miguel Suarez – SKEMA Business School - Giáo sư Franck BARBIER – Université Polytechnique Hauts-de-France
6	Hội thảo	Finance – Accounting for promoting Sustainable Development in Private Sector (<i>Tài chính - kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững</i>) (FASPS-3)	12/11/2021	Chủ trì: Học viện tài chính, phối hợp với Trường Đại học Tài chính – Marketing, Trường Đại học Tài chính - Kế toán, Trường bồi dưỡng cán bộ Tài chính Diễn giả: - PGS. Simone Domenico Scagnelli, Phó trưởng khoa Kế toán và Tài chính, Trường Kinh doanh và Luật, Đại học Edith Cowan, Úc - PGS. Farhad Taghizadeh-

STT	Hội nghị/ Hội thảo/Tọa đàm	Nội dung	Thời gian, địa điểm	Tổ chức/Chuyên gia
				Hesary, Đại học Tokai, Nhật Bản

Với những định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, khẳng định năng lực nghiên cứu của giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng, đảm bảo rằng giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng có đủ khả năng để tìm hiểu nghiên cứu, trao đổi với các chuyên gia và thực hiện hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Fintech.

Đối với ngành Fintech, nhóm xây dựng chương trình đề xuất các hướng nghiên cứu chính để sinh viên thực hiện viết khóa luận:

Bảng 3.8: Các hướng nghiên cứu đề tài khóa luận ngành Công nghệ tài chính

STT	HƯỚNG NGHIÊN CỨU
I.	Khái niệm Công nghệ tài chính số và công nghệ liên quan (Digital Finance Technologies and Technological Concepts)
	a. Công nghệ chuỗi khối (Block Chain) b. Mạng xã hội (Social Networks) c. Thanh toán không chạm bằng công nghệ (Near Field Communications-NFC) d. Công nghệ cho vay ngang hàng (Peer to Peer Technology - P2P) e. Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics) f. Thương mại điện tử (Electronic Commerce) g. Các đề tài khác do giảng viên hướng dẫn đề xuất
II.	Định chế tài chính số (Digital Finance Institutions)
	a. Công ty tài chính (Công nghệ tài chính Companies) b. Cung ứng dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử (Trade Service Providers) c. Các đề tài khác do giảng viên hướng dẫn đề xuất
III.	Dịch vụ kinh doanh tài chính số (Digital Finance Business Functions)
	a. Giao dịch tài trợ số (Digital Financing) b. Đầu tư trên nền tảng số (Digital Investments) c. Tiền số (Digital Money) d. Thanh toán số (Digital Payments) e. Bảo hiểm số (Digital Insurances) f. Tư vấn tài chính số (Digital Financial Advice). g. Các đề tài khác do giảng viên hướng dẫn đề xuất

IV	Các đề tài khác được giảng viên hướng dẫn đề xuất, phù hợp với ngành đào tạo
----	--

3.8.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường Đại học Help-Malaysia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ; ngoài ra Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như Đại học UCSI (Malaysia), Trường Đại học Leeds Beckett (LBU), Công ty Công nghệ giáo dục Upgrad, Viện Lithan Singapore và công ty Study Guide. Trong tình hình dịch bệnh kéo dài thời gian qua, Trường đã tổ chức làm việc trực tuyến với nhiều trường đại học nước ngoài và các tổ chức quốc tế xây dựng mối hợp tác liên kết trong trao đổi giảng viên, sinh viên, hợp tác trong đào tạo, trong nghiên cứu khoa học. Làm việc với Cơ quan giáo dục của các nước có Lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh. Làm việc với Đại học UCSI để triển khai các chương trình đã ký thỏa thuận hợp tác 2 bên và đẩy mạnh thỏa thuận về trao đổi giảng viên, sinh viên và chương trình nghiên cứu phối hợp để đăng bài trên các tạp chí quốc tế Emerald.

3.8.3. Hợp tác doanh nghiệp⁹

Nhà trường phối hợp với các Khoa, Viện đào tạo ký kết hợp tác với hơn 35 doanh nghiệp thuộc hầu hết các lĩnh vực đào tạo của Trường. Công tác đào tạo theo định hướng ứng dụng, thực hành, thực tập và cơ hội việc làm cho người học theo từng vị trí ngành nghề đào tạo. Đồng thời, Nhà trường triển khai tổ chức truyền thông về cơ hội việc làm tích hợp UFM hằng năm cho người học với hơn 50 doanh nghiệp đăng ký qua hơn 1000 đầu vị trí việc làm bán thời gian và toàn thời gian ở tất cả các nhóm ngành đào tạo. Phối hợp cùng các công ty có nền tảng công nghệ hàng đầu như FPT telecom, công ty NetxPay; Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Gia Định,.... triển khai các hoạt động hỗ trợ tham quan trải nghiệm thực tế, thực hành, thực tập và các buổi hội thảo chuyên đề qua hình thức trực tiếp và trực tuyến trên nền tảng số của Trường. Công tác hợp tác trao đổi các nội dung về chương trình giảng dạy, báo cáo chuyên đề, tham gia hội thảo,... cũng được Nhà trường và doanh nghiệp phối hợp tổ chức dần đi vào nề nếp, hoàn thiện và ngày một cải tiến nhằm đảm bảo chương trình bám sát nội dung đào tạo theo từng lĩnh vực.

3.9. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Nhằm đáp ứng được nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, Trường Đại học Tài chính – Marketing luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đối

⁹ Xem Phụ lục 3.3 Các biên bản ký kết hợp tác với các doanh nghiệp

với chuyên ngành Công nghệ tài chính sẽ có kế hoạch đảm bảo chất lượng như sau:

3.9.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Bảng 3.9: Tổng quan nguồn nhân lực của khoa tính đến 15/12/2022

STT	Đơn vị	Tổng số	Đang làm việc	Nghỉ theo QĐ	PGS TS	TS	ThS (NCS)	ThS	ĐH	Ghi chú
1	BM TCDN	15	14	1	1	6	5	3		
2	BM NH	11	10	1	1	2	3	5		
3	BM BH	5	5			4	1			
4	BM TCTT	11	10			2	3	6		
5	Thư ký khoa	2	2					1	1	
Tổng cộng		44	42	2	2	14	12	15	1	
Tỷ lệ					4,5%	32%	27%	34%	2,5%	Tỷ lệ tiến sĩ là 36,5%

Ngoài ra, do đặc thù ngành Fintech đòi hỏi sinh viên tốt nghiệp cần phải có những kiến thức vững chắc về cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ lập trình, vì vậy Khoa Tài chính - Ngân hàng dự kiến sẽ mời khoa Công Nghệ Thông Tin cùng tham gia đào tạo một số môn chuyên ngành về công nghệ thông tin. Tổng số lượng giảng viên khoa CNTT là 21 giảng viên, trong đó có 3 tiến sĩ (14,3%) và 18 thạc sĩ (85,7%)

Về chiến lược phát triển, nhà Trường luôn coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy là trọng tâm hàng đầu. Đội ngũ giảng viên của Trường thường xuyên cập nhật kiến thức mới của các môn học thông qua việc tham khảo các giáo trình, tài liệu trong và ngoài nước, làm chủ nhiệm hoặc tham gia vào các đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước.

Nhằm đảm bảo đội ngũ giảng viên đảm trách chuyên ngành còn tương đối mới mẻ này, nhà trường sẽ có kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao kiến thức về

ngành Công nghệ tài chính. Ngoài ra, nhà trường cũng có các kế hoạch mở các khóa học nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên, đảm bảo giảng viên có đủ khả năng ngoại ngữ để tiếp nhận những kiến thức mới, tham gia các hội thảo quốc tế nhằm trao đổi các kiến thức mới trong ngành, đặc biệt là đối với lĩnh vực liên tục đổi mới, liên tục phát triển kiến thức mới như ngành Công nghệ tài chính.

Nhà Trường luôn coi trọng khâu tuyển dụng và thu hút nhân tài: Tiếp tục rà soát các chính sách thu hút giảng viên có học vị tiến sĩ, PGS, thạc sĩ nước ngoài; khuyến khích đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của giảng viên.

Nhà Trường luôn coi trọng khâu kiểm tra và đánh giá trong thi cử: Trường đã và đang thực hiện những giải pháp nhằm bảo đảm tính bảo mật của đề thi, chống tiêu cực trong công tác thi cử. Đề thi các môn học thường xuyên được đổi mới để đảm bảo tính cập nhật và bảo mật. Công tác chấm thi và coi thi được diễn ra nghiêm túc nhằm đảm bảo đánh giá đúng chất lượng của học viên.

Nhà Trường cũng tập trung đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, công tác nghiên cứu khoa học: Hàng năm, Trường đều dành ngân sách nhất định vào công tác nghiên cứu khoa học của các giảng viên. Các công trình khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ đều được đánh giá tốt, có chất lượng cao.

Về phía Khoa Tài chính - Ngân hàng, để đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao về nguồn nhân lực các lĩnh vực ngành tài chính ngân hàng nói chung và Fintech, Khoa Tài chính – Ngân hàng có đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học ngành Công nghệ Tài Chính.

Bảng 3.10: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học ngành Công nghệ Tài Chính

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	PGS. TS Nguyễn Thị Mỹ Linh 04/10/1974 Phó trưởng Khoa/Phụ trách Khoa TCNH/ Trưởng BM Tài chính doanh nghiệp	Tiến sĩ, Việt Nam 2013	Tài chính Ngân hàng	
2	TS Lê Thị Thúy Hằng 11/19/1983	Tiến sĩ, Việt Nam 2019	Tài chính Ngân hàng	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
	Trưởng BM Ngân hàng			
3	Trần Thị Thanh Nga 06/06/1987 Trưởng BM Tài chính tiền tệ	Tiến sĩ, Việt Nam 2019	Tài chính Ngân hàng	
4	Trần Thị Kim Oanh 29/05/1988 Trưởng BM Tài chính Bảo hiểm và đầu tư	Tiến sĩ, Việt Nam 2018	Tài chính Ngân hàng	
5	TS Nguyễn Minh Phúc 02/06/1987 GV được phân công chủ trì xây dựng CTĐT Công nghệ Tài chính	Tiến sĩ, Úc 2021	Kinh tế - Tài chính	GV được phân công chủ trì xây dựng CTĐT Công nghệ Tài chính

Khoa Tài chính - Ngân hàng luôn xem phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên theo hướng đủ về số lượng, có chất lượng cao, cơ cấu hợp lý là nhiệm vụ chiến lược với kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 3.11: Cơ cấu CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng giai đoạn 2022-2030 phát triển nguồn tại chỗ

Học hàm, học vị	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Giáo sư	0	0	1	1	2	2	2	2	3
Phó giáo sư, tiến sĩ	2	3	3	6	7	10	14	14	13
Tiến sĩ	13	15	15	12	16	18	17	17	17
Thạc sĩ	26	24	22	22	16	11	7	7	7
Đại học	1	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	42	42	41	41	41	41	40	40	40
Tỷ lệ GV tiến sĩ/tổng số GV	38%	45%	49%	49%	64%	77%	87%	87%	87%

Bảng 3.12: Cơ cấu CBGV Khoa Tài chính - Ngân hàng giai đoạn 2022-2030 kể cả nguồn tuyển dụng bổ sung

Học hàm, học vị	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Giáo sư	0	0	1	1	2	2	2	2	3
Phó giáo sư, tiến sĩ	2	3	3	6	7	10	14	14	13
Phó giáo sư, tiến sĩ bổ sung							4	4	5
Tiến sĩ	13	15	15	12	16	18	17	17	17
Tiến sĩ bổ sung	4	4	5	6	6	6	4	5	6
Thạc sĩ	26	24	21	21	15	10	6	6	6
Thạc sĩ bổ sung	1	2	4	4	4	4	3	2	0
Đại học	1	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	47	48	49	50	50	50	50	50	50
Tỷ lệ GV tiến sĩ/tổng số GV	42%	48%	51%	52%	65%	75%	85%	88%	92%

Ghi chú: Đăng ký thực hiện chiến lược mục tiêu phát triển nhân sự, như sau:

- Chuyên môn: Đối với tỷ lệ Tiến sĩ tương đương kế hoạch phát triển nguồn tại chỗ 49% đến năm 2025 và 87% đến năm 2030; đối với PGS đến năm 2025 là 4 PGS (đạt 8%) và đến năm 2030 là 8 PGS (đạt 16%); đối với GS, đến năm 2030 có 1 GS (đạt 2%).
- Chức danh nghề nghiệp: Tỷ lệ GVCC và GVC đạt 50% vào năm 2025, và 70% vào năm 2030.

Mục tiêu cụ thể:

Về số lượng CBGV: Tăng số lượng CBGV của Khoa từ nay đến năm 2025 là 50 nhân sự, tăng 8 nhân sự so với thời điểm hiện nay, và giữ ổn định 50 nhân sự giai đoạn 2026-2030. Số lượng nhân sự tuyển dụng bổ sung giai đoạn 2022-2025 cụ thể năm 2022: 5 nhân sự, 2023: 1 nhân sự, 2024: 3 nhân sự, 2025: 1 nhân sự và 2028: 1 nhân sự. Điều kiện tuyển dụng giảng viên là các Tiến sĩ, thạc sĩ học ở nước ngoài được học và viết luận văn bằng tiếng Anh, hoặc thạc sĩ được đào tạo trong nước có tiếng Anh đạt IELTS 6.0 trở lên; các ứng viên được tuyển dụng phải có khả năng NCKH và cam kết tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nâng học hàm, học vị và chức danh nghề nghiệp.

Về chất lượng CBGV: Về chất lượng GV đến năm 2025 đạt 49% GV có trình độ tiến sĩ và tỷ lệ này đạt 87% vào năm 2030; đối với PGS đến năm 2025 là 4 PGS (đạt 8%) và đến năm 2030 là 8 PGS (đạt 16%); đối với GS, đến năm 2030 có 1 GS (đạt 2%).

Về chức danh nghề nghiệp: Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ GVCC và GVC đạt 50% tổng số GV và tỷ lệ này đạt 70% đến năm 2030.

Ngoài ra, nhằm đủ chuẩn xét thăng hạng GV, xét học hàm cũng như đáp ứng yêu cầu giảng dạy các lớp CLC, đặc biệt các học phần chuyên ngành giảng bằng tiếng Anh. Đến năm 2025, các GV Nam là tiến sĩ có độ tuổi dưới 50, GV Nữ là tiến sĩ có độ tuổi dưới 45 phấn đấu giảng dạy được bằng tiếng Anh. Theo đó, tỷ lệ GV giảng dạy được bằng tiếng Anh đạt tỷ lệ khoảng 25 %/tổng số GV.

Về cơ cấu tổ chức: Với quy mô của Khoa hiện nay là 42 nhân sự, phát triển đến năm 2025 đạt 50 nhân sự và duy trì quy mô này đến năm 2030. Với quy mô như trên, cơ cấu tổ chức của Khoa sẽ là: 1 trưởng khoa, 2 phó trưởng khoa, 5 trưởng bộ môn, gồm: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Tài chính bảo hiểm và đầu tư, Tài chính tiền tệ, Công nghệ Tài chính (Fintech), và 2 thư ký khoa. Trong đó, bộ môn Công nghệ tài chính sẽ được tách ra từ bộ môn Tài chính doanh nghiệp, dự kiến từ năm 2023 (khi có khóa sinh viên đầu tiên).

3.9.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo

Trường luôn luôn chú trọng việc đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Trải qua hơn 45 năm hình thành và phát triển, cơ sở đào tạo của Trường nói chung đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hoàn thiện công tác bảo hành, bảo dưỡng các trang thiết bị; tăng ngân sách đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, đảm bảo Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có kế hoạch cải tiến trong công tác quản lý hệ thống tài liệu khoa học; bổ sung nguồn tài liệu in ấn và tài liệu số chuyên ngành sách/giáo trình tiếng Anh; tăng cường nguồn tài liệu in ấn và tài liệu số chuyên ngành Công nghệ tài chính và sách/giáo trình tiếng Anh. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại Thư viện, triển khai liên kết với các thư viện đại học có cùng chuyên ngành đào tạo để chia sẻ, trao đổi tài nguyên thông tin. Thiết kế, bố trí môi trường và nơi học tập hiệu quả cho người học.

3.9.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo

Thực hiện theo kế hoạch năm học, trung hạn và dài hạn về hợp tác quốc tế trong đào tạo, NCKH của Trường với các Trường đại học nước ngoài, tổ chức hội thảo quốc tế về lĩnh vực rất mới và có sự phát triển rất mạnh mẽ trong thời gian gần đây là Công

nghe tài chính. Trong năm 2022, nhà trường liên tiếp triển khai các chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học với Đại học UCSI (Hạng 284 thế giới bảng xếp hạng QS năm 2023); Với Đại học HELP (Hạng 351- 400 bảng xếp hạng QS châu Á năm 2021, đạt chuẩn 5 sao QS); và với Đại học Thompson River - Canada (Hạng 443 thế giới về nghiên cứu, hạng 734 thế giới tổng thể trong bảng xếp hạng thế giới của Scimago Institute).

Tiếp nối sự thành công ở các chương trình liên kết hiện có của nhà trường, UFM tiếp tục mở rộng liên kết hợp tác thêm nhiều đối tác mới, uy tín, đến từ các quốc gia phát triển, có hệ thống giáo dục uy tín hàng đầu thế giới như Anh, Mỹ, Pháp... để đem tới những chương trình LKQT ngày càng chất lượng, đặc biệt là với chuyên ngành rất mới mẽ và dự kiến nhu cầu nguồn nhân lực rất lớn là ngành Fintech. Thực tế, UFM đã ký các biên bản ghi nhớ và thỏa thuận liên kết đào tạo với: Đại học University of West of England, Bristol (Hạng 401 - 500 các đại học toàn cầu năm 2023, Hạng 101-200 chỉ số ảnh hưởng - impact rangking 2022 và hạng 116 các đại học trẻ - Young University 2022 toàn cầu trong bảng xếp hạng THE); Đại học North Arizona (Xếp hạng 601-600 các đại học toàn cầu năm 2023, Hạng 401-600 chỉ số ảnh hưởng - impact rangking 2021 bảng xếp hạng THE); Đại học Wincosin-Stout (hạng 600 bảng xếp hạng THE năm 2022); Đại học Concord (hạng 800 bảng xếp hạng THE năm 2019).... Với các đối tác uy tín, đến từ các quốc gia phát triển, có hệ thống giáo dục uy tín hàng đầu thế giới như Anh, Mỹ, Pháp... nhà trường kỳ vọng sẽ đẩy mạnh hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm, trao đổi sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành fintech, đáp ứng được yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực để sinh viên tốt nghiệp không chỉ làm việc tại các doanh nghiệp trong nước mà còn gia nhập lực lượng lao động toàn cầu.

3.9.4. Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng học viên tốt nghiệp

Đối với các đơn vị có nhu cầu đào tạo cán bộ ngành Công nghệ tài chính, Nhà trường sẽ thực hiện việc chủ trì và phối hợp đào tạo với đơn vị theo yêu cầu trên cơ sở đảm bảo chất lượng theo chuẩn đầu ra về trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính được phê duyệt. Mỗi khóa sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể và quy chế phối hợp giữa hai bên để kế hoạch đảm bảo được thực hiện tốt nhất. Trường tiếp tục phát huy và giao nhiệm vụ cho Khoa chuyên môn tăng cường triển khai các buổi tọa đàm và tham quan thực tế cơ quan, đơn vị để chia sẻ thực trạng về hoạt động lĩnh vực Công nghệ tài chính của Việt Nam hiện nay.

3.10. Tuyển sinh

Thời gian xét tuyển: Đại học Tài chính – Marketing nhận hồ sơ xét tuyển theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và kế hoạch của trường.

Đối tượng và phạm vi xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định trên cả nước.

Hình thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Kế hoạch tuyển sinh: Dựa trên nhu cầu đào tạo ngành Fintech, cũng như nguồn nhân sự đã trình bày ở phần trên, đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo, nhóm xây dựng đề án đề xuất dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh như sau:

Bảng 3.13: Kế hoạch tuyển sinh

Năm	Số lượng sinh viên dự kiến tuyển sinh	Số lớp dự kiến mở
2023	50	1
2024	50	1
2025	100	2
2026	100	2
2027 trở đi	200	4

Tuy nhiên, tùy theo khả năng tuyển sinh đối với Ngành này, mà các năm sau có thể điều chỉnh tăng chỉ tiêu.

3.11. Phương án, giải pháp ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính

Trường có thể tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính, Trường cam kết thực hiện các biện pháp và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của người học, cụ thể như sau:

1. Chuyển người học sang học tập tại các cơ sở đào tạo phía Nam có đào tạo ngành Công nghệ tài chính như Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM, Trường Đại học Kinh tế – Tài chính TP.HCM, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

2. Hoàn trả học phí cho người học đã nộp đối với các học phần chưa triển khai đào tạo;

3. Cho phép người học được bảo lưu theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian quy định của thời hạn đào tạo Khóa học cho đến khi Trường được phép đào tạo lại.

Trường Đại học Tài chính – Marketing đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia, cơ sở vật chất, chương trình và kế hoạch đào tạo cần thiết để đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính. Phần lớn cán bộ giảng viên, người cần học đang cư trú trên địa bàn TP.HCM và khu vực lân cận, từ đó thu hút được người cần đào tạo. Bên cạnh đó, chi phí học tập, dịch vụ khác, các phòng học, thư viện và tài liệu có sẵn, thuận lợi sẽ giúp cho người học có nhiều thời gian nghiên cứu. Thời gian tiếp cận trao đổi với giảng viên cũng là một trong những thế lợi của việc đào tạo đúng ngành tại chỗ. Việc mở ngành cử nhân Công nghệ tài chính trong điều kiện Nhà trường là hết sức cần thiết và phù hợp. Phát huy những điểm mạnh, khắc phục hạn chế với kinh nghiệm hơn 18 năm đào tạo bậc đại học, Nhà Trường cam kết đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài chính và con người, đồng thời thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan Ban, Ngành về điều kiện mở ngành; Tổ chức, triển khai đào tạo chương trình Công nghệ tài chính theo phương châm luôn đặt lợi ích trọng tâm người học lên hàng đầu vì mục tiêu cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao./.